

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

(08) 3829 6620 - (08) 3822 5373

www.sochemvn.com



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
CƠ BẢN MIỀN NAM**

2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

- | | |
|----|----------------------------------|
| 04 | Thông tin khái quát |
| 07 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh |
| 09 | Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức |
| 11 | Định hướng phát triển |
| 15 | Yếu tố rủi ro |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- | | |
|----|--|
| 23 | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 25 | Tổ chức và nhân sự |
| 31 | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án |
| 32 | Tình hình tài chính |
| 35 | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu |
| 37 | Báo cáo phát triển bền vững |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- | | |
|----|---|
| 45 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 49 | Tình hình tài chính |
| 53 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý |
| 57 | Kế hoạch phát triển trong tương lai |
| 58 | Giải trình của Ban Tổng Giám đốc |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- | | |
|-----------|---|
| 61 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty |
| 65 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty |
| 66 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị |

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|-----------|--------------------------------------|
| 73 | Thành viên và cơ cấu |
| 73 | Hoạt động của Ban kiểm soát |
| 74 | Hoạt động giám sát |
| 74 | Sự phối hợp hoạt động |
| 75 | Các hoạt động khác |
| 75 | Đánh giá về kết quả hoạt động SXKD |
| 76 | Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- | | |
|-----------|---|
| 79 | Hội đồng quản trị |
| 85 | Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- | | |
|-----------|----------------------------------|
| 91 | Ý kiến kiểm toán |
| 93 | Báo cáo tài chính được kiểm toán |

THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý nhà đầu tư

Năm 2016 được đánh giá là một năm đầy thách thức với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại vẫn ngổn ngang, trong khi tình hình quốc tế diễn biến ngày một bất thường... Tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra; ngành nông – lâm – thủy sản gặp khó vì thiên tai, hạn hán; ngành khai khoáng giảm sâu tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung... Tuy nhiên, về chủ đạo, kinh tế Việt Nam đã có nhiều cải thiện đáng kể.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 gặp không ít khó khăn khi cạnh tranh trong ngành diễn ra ngày càng khốc liệt. Tuy nhiên, nhờ thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, Công ty nhìn chung đã hoàn thành kế hoạch năm 2016. Trong năm 2016, tổng doanh thu tiêu thụ của Công ty đạt 1.577 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 221 tỷ đồng, lần lượt vượt 9% và 11% so với kế hoạch.

Năm 2016 cũng là năm đánh dấu chặng đường 40 năm hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, khẳng định được vị trí của Công ty trên thương trường, từ khởi đầu lực lượng còn mỏng, sản xuất kinh doanh đơn ngành, vốn còn hạn chế. Đồng thời, ghi nhận những đóng góp tích cực của Công ty trong sự nghiệp đổi mới, Công ty

đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động Hạng Nhất do Chủ tịch Nước trao tặng nhân ngày kỷ niệm 40 năm thành lập.

Việt Nam năm 2017 được kỳ vọng là năm thuận lợi tạo đà cho doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là khối doanh nghiệp chế biến chế tạo. Doanh nghiệp đang có điều kiện phát triển thuận lợi khi Chính phủ mới thể hiện rõ mối quan tâm trong cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh. Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam đặt mục tiêu tiếp tục ổn định sản xuất, phát huy tối đa công suất các nhà máy để phục vụ tốt nhất cho nhu cầu hóa chất trong năm. Việc quản lý chi phí đầu vào, tìm kiếm mở rộng thị trường, chăm sóc khách hàng chu đáo và các công tác đầu tư xây dựng, đặc biệt là dự án di dời ba nhà máy đến KCN Nhơn Trạch 6, cũng sẽ được đẩy mạnh nhằm củng cố vững chắc uy tín, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho công ty.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn toàn thể đội ngũ các cán bộ, công nhân viên Công ty, các đối tác, và đặc biệt, xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Cổ đông trong suốt thời gian qua. HĐQT, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty cam kết sẽ không ngừng nỗ lực, cố gắng để đạt được kết quả cao hơn trong năm 2017, phấn đấu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững, mang lại niềm tin cho nhà đầu tư, khách hàng.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Văn Hùng



THÔNG TIN CHUNG

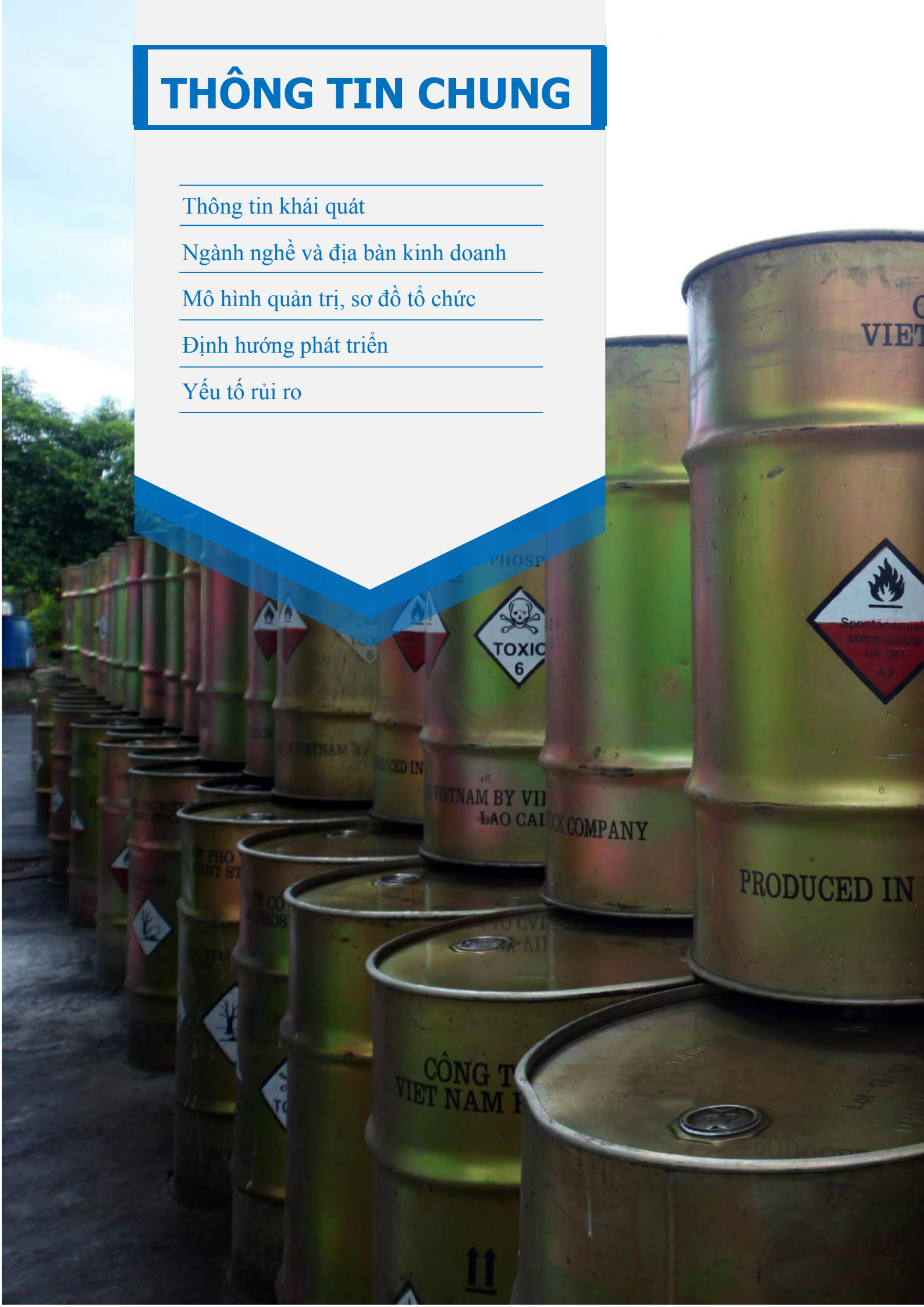
Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Yếu tố rủi ro



TY CỔ PHẦN PHỐT PHO VIỆT NAM
AM PHOSPHORUS JOINT STOCK CO

↑↑ PHOSPHORUS, YELLOW ↑↑
UNDER WATER



VIETNAM BY VIETNAM PHOSPHORUS JO
LAO CAI PROVINCE, VIETNAM

PRODUCE





1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Giới thiệu công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Tên tiếng anh	: SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 05/02/2016, cấp lần đầu ngày 24/09/2003
Vốn điều lệ	: 442.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 442.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại	: (08) 3829 6620 – 3822 5373
Số fax	: (08) 3824 3166
Website	: http://sochemvn.com
Mã cổ phiếu	: CSV



Lịch sử hình thành và phát triển

1976 - 1985

Công ty tập trung mọi nỗ lực để duy trì và ổn định sản xuất nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của nền kinh tế theo những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam được thành lập vào ngày 21/07/1976 theo Quyết định số 240/HC của Tổng Cục Hóa Chất bao gồm 04 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Hóa Chất Biên Hòa (VICACO), Nhà máy Hóa Chất Tân Bình (COPHATA), Nhà máy Hóa Chất Đồng Nai và Nhà máy Hóa Chất Thủ Đức.

1986 - 1996

Mở đầu công cuộc đổi mới đất nước, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đều đặn, thị trường ngày càng mở rộng.

Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng cải tiến tư duy và công nghệ, nâng cao dịch vụ để luôn phát triển và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, hướng tới môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn và chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các sản phẩm hóa chất vô cơ cơ bản của công ty luôn có chất lượng cao, giá cả phù hợp và thân thiện với môi trường, được khách hàng đánh giá cao. Bên cạnh đó, công ty còn được các cấp chính quyền ghi nhận những đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước với nhiều bằng khen và huân chương cao quý.



Năm 2003 Công đoàn Công ty được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2002.

1996 - 2006

Vị thế công ty được nâng cao rõ rệt nhờ thành quả đạt được trong toàn bộ các lĩnh vực hoạt động.

Từ ngày 01/01/2001, Công ty được Chính phủ công nhận trở thành doanh nghiệp Nhà nước hạng I. Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 138/2003/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam - nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

2006 - Nay

Công ty bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, duy trì mức tăng trưởng tốt. Hoạt động đầu tư được đẩy mạnh một cách toàn diện nhằm khai thác tối đa lợi thế của công ty.

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012.

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản miền Nam thành công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện việc cổ phần hóa và hoàn tất việc tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ là 442 tỷ đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn HSX là 44.200.000 cổ phiếu.



Năm 2004 Công ty được Chủ tịch Nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì cho Thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2003.



Năm 2006 Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Bảng khen cho Thành tích trong công tác từ năm 2003 đến năm 2005.



Ngày 22 tháng 7 năm 2016, nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập, Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch Nước trao tặng cho tập thể CBCNV lao động Công ty.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam có thể được chia thành 03 nhóm chính:



Hoạt động Sản xuất, Chế tạo: Đây là loại hình kinh doanh chủ yếu của công ty, bao gồm Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm; Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).



Hoạt động Buôn bán: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).



Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm khai khoáng và thiết kế chuyên dụng: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite; Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh. Hiện nay Công ty đang từng bước mở rộng thị phần ra các nước trong khu vực.

Sản phẩm tiêu biểu



Nhóm hóa chất vô cơ cơ bản: Natri silicat các loại, Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%; Clor lỏng (Cl₂); Phốtpho vàng (P₄); Nhôm hydroxyt (Al(OH)₃); ...



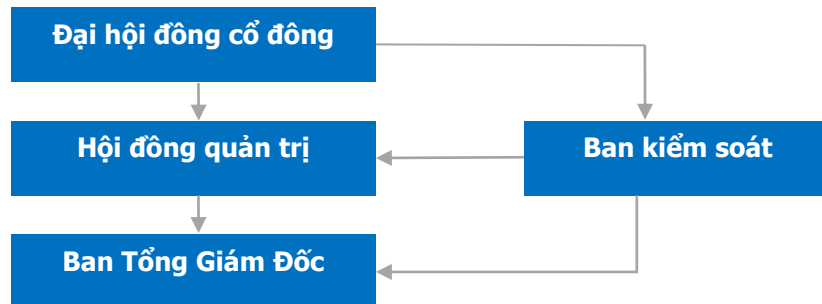
Nhóm hóa chất xử lý nước: Poly Aluminium Chloride-PAC 10%-17%; Phèn Nhôm sunfat 7%-15%-17%; Javel-Natri Hypoclorit (NaOCl); ...



Nhóm các loại muối và hóa chất khác: Natri Phốtphát (Na₃PO₄); Canxi Clorua (CaCl₂); Magie Sunphat (MgSO₄); Natri Silicate các loại...

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Các văn bản pháp luật chi phối bao gồm: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12, Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy định có liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty.

- ✓ Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- ✓ Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- ✓ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
- ✓ Ban Tổng giám đốc: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện những chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

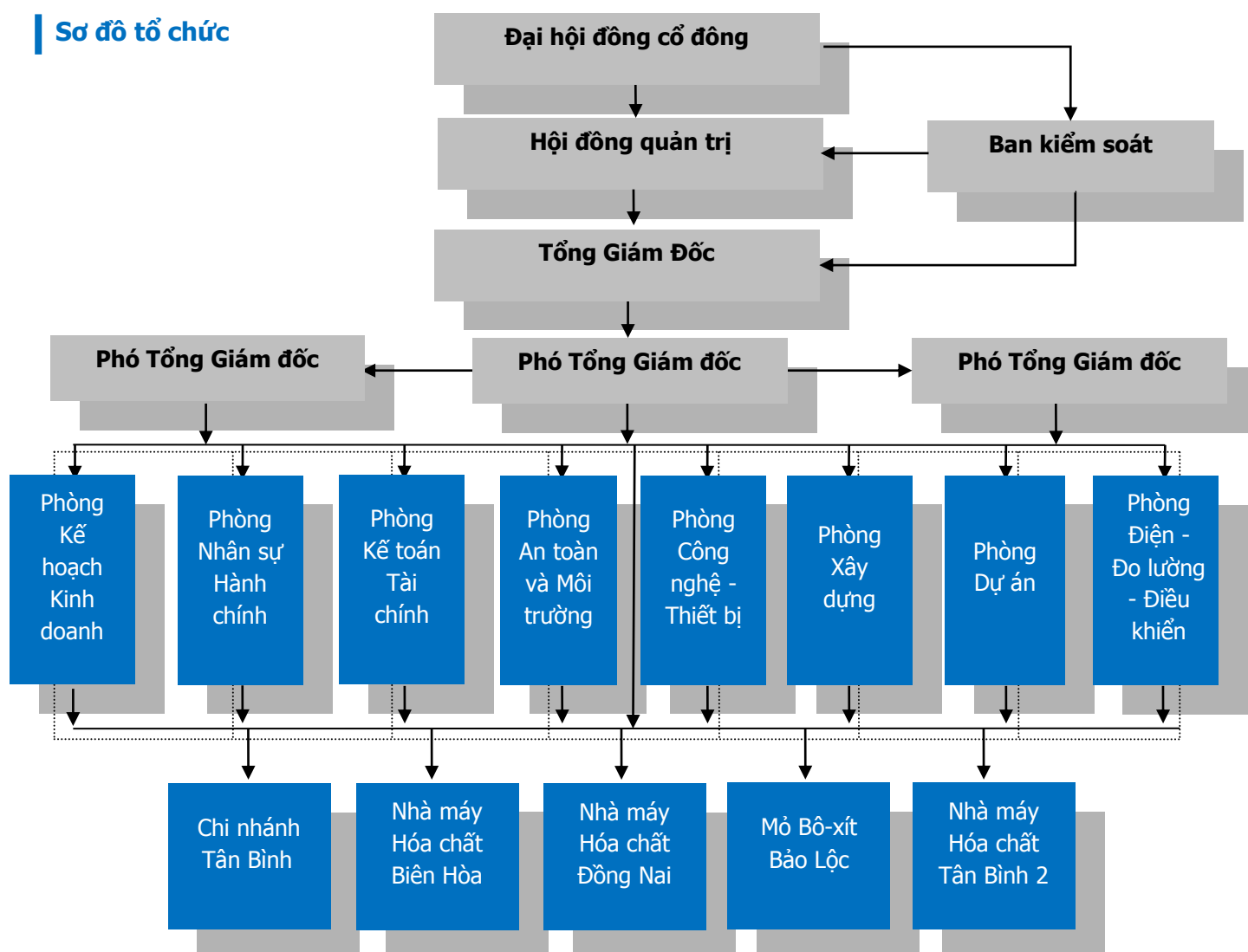
Công ty con, Công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam có một (01) công ty con và không có công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

Tên công ty con	Công ty Cổ phần Phốtpho Việt Nam
Địa chỉ	KCN Công nghiệp Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai
Điện thoại	(020) 3863488 – 3863161
Vốn điều lệ	60.487.200.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	60.487.200.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	65,05%
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phốt pho vàng và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến sản phẩm phốt pho vàng

Sơ đồ tổ chức



Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 phòng ban chức năng, và 05 đơn vị trực thuộc.

- ✓ Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch, các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật.
- ✓ Phó Tổng Giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn; chủ động giải quyết các công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ.
- ✓ Các phòng ban thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Phòng Nhân sự Hành chính, Phòng Kế toán Tài chính, Phòng An toàn và Môi trường, Phòng Công nghệ - Thiết bị, Phòng Xây dựng, Phòng Dự án và Phòng Điện – Đo lường – Điều khiển.
- ✓ Công ty hiện có 05 đơn vị trực thuộc, bao gồm: Chi nhánh Tân Bình, Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Mỏ Bô-xít Bảo Lộc và Nhà máy hóa chất Tân Bình 2.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Trên nền tảng phát triển ổn định của hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Chiến lược thị trường: Khai thác thị trường theo chiều rộng (phát triển mạng lưới đại lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có) và chiều sâu (phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại);
- ✓ Chiến lược sản phẩm: Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để sản xuất ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- ✓ Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường.



Chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Định hướng phát triển của Công ty là tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ và đảm bảo chất lượng sản phẩm với mục tiêu tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường về các sản phẩm hóa chất cơ bản. Đây là nhóm sản phẩm có nhiều lợi thế, do đó công ty phát triển xu hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu. Đây cũng là định hướng chung của ngành công nghiệp hóa chất.

Quan điểm phát triển ngành theo Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 đó là:

- ✓ Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của đất nước.
- ✓ Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài đối với các công trình có nhu cầu vốn lớn, đòi hỏi công nghệ cao mà trong nước chưa đáp ứng được; phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.
- ✓ Đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, bảo đảm môi trường sinh thái.

Với lợi thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam và có định hướng đầu tư mở rộng, tập trung phát triển các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam đang phát triển đúng định hướng của Chính phủ về phát triển ngành Công nghiệp Hóa chất.

Mục tiêu phát triển bền vững



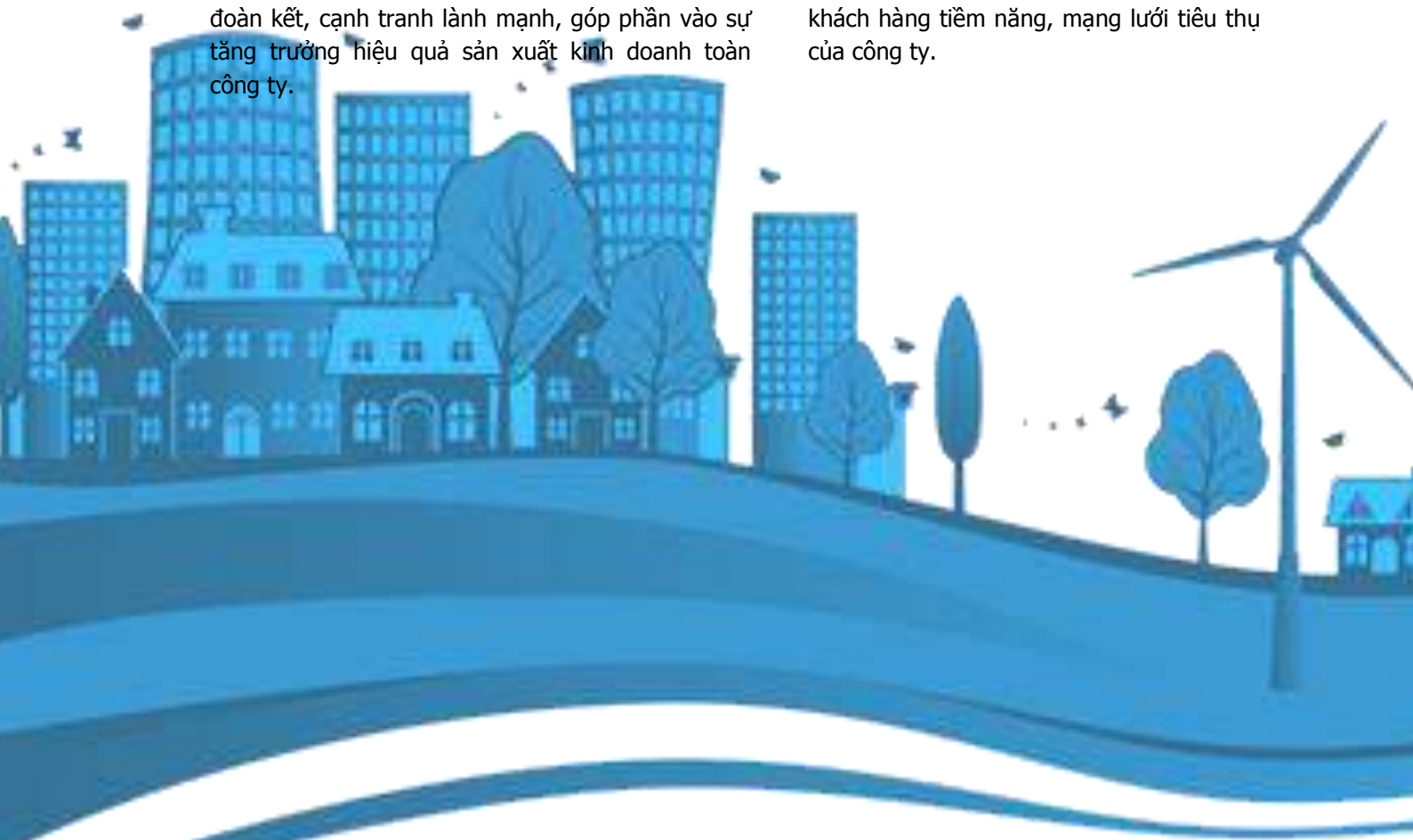
Cán bộ nhân viên



Khách hàng và đối tác

Nhân lực là nguồn chủ đạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự phát triển của công ty. Với ý thức rằng trong bất cứ tập thể nào, người lao động sẽ cống hiến hết mình nếu công sức của họ được tôn trọng và ghi nhận một cách xứng đáng, Công ty luôn chú trọng và khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân một. Lĩnh vực hóa chất với yêu cầu khắt khe về mặt an toàn kỹ thuật thì năng lực của người lao động là điều kiện cần thiết. Bên cạnh đó, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động luôn được công ty đặc biệt quan tâm. Tiền lương của công nhân luôn được trả đúng hạn, đi kèm theo đó là khoản tiền thưởng thêm, những phần quà thăm hỏi vào các dịp lễ tết, trợ cấp khi ốm đau, tai nạn nghề nghiệp. Công ty cũng thường xuyên tổ chức và phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, phong trào thi đua sản xuất nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, cạnh tranh lành mạnh, góp phần vào sự tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn công ty.

Mục tiêu của công ty là luôn mang đến sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của công ty. Với đặc thù kinh doanh hóa chất, sự an toàn cho khách hàng là ưu tiên hàng đầu của công ty. Do vậy, CSV đã tiến hành lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm, đồng thời phổ biến cách sử dụng, bảo quản và những lưu ý cần thiết nhằm hỗ trợ khách hàng sử dụng hiệu quả sản phẩm và giảm thiểu tối đa thiệt hại. Bên cạnh đó, công ty cũng đầu tư nghiên cứu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, tạo ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. Khiếu nại gửi đến công ty luôn được xem xét, theo dõi và có biện pháp khắc phục phù hợp. Từ đó giữ vững mối quan hệ với các đối tác, tạo điều kiện phát triển mạng lưới khách hàng tiềm năng, mạng lưới tiêu thụ của công ty.





Cổ đông

Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn xác định rõ mục tiêu dài hạn là sự phát triển bền vững của công ty cũng như tối ưu hóa giá trị cho các cổ đông. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. Nhằm đảm bảo cổ đông được cung cấp thông tin công khai minh bạch và kịp thời theo quy định, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, những thông tin liên quan đến Công ty được trình bày trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.sochem.vn/>.



Môi trường

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn theo đuổi mục tiêu vì một môi trường trong sạch và an toàn hơn cho tất cả mọi người. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và vấn đề sức khỏe cho cộng đồng liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm hóa chất, công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người sản xuất hóa chất. Có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng là cam kết hàng đầu mà Công ty luôn tuân thủ. Cụ thể, công ty luôn cung cấp đầy đủ thông tin hóa chất, cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất cho khách hàng ngay khi giao sản phẩm, hỗ trợ khách hàng phòng ngừa và xử lý sự cố liên quan đến các hóa chất, hỗ trợ thiết kế, lắp đặt và hướng dẫn vận hành kho hóa chất bảo đảm kiểm soát an toàn, ngăn ngừa rủi ro, phòng tránh sự cố tai nạn, bệnh nghề nghiệp có thể gây tổn thất sản xuất, thiệt hại tài sản và tác động xấu đến môi trường.



Xã hội và cộng đồng

Đối với công ty, hoạt động xã hội và những cống hiến cho cộng đồng hoàn toàn không nhằm mục đích đánh bóng tên tuổi mà xuất phát từ ý thức của một tập thể có trách nhiệm muốn đóng góp một phần vào sự phát triển phồn vinh của đất nước. Xây dựng và phát triển tinh thần trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng cũng là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Tham gia, tài trợ cho các hoạt động xã hội, từ thiện, Công ty mong muốn xây dựng nét văn hóa hướng thiện, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần, tạo sự gắn bó và đoàn kết trong toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, vì mục tiêu ổn định và phát triển lâu dài.

5. YẾU TỐ RỦI RO

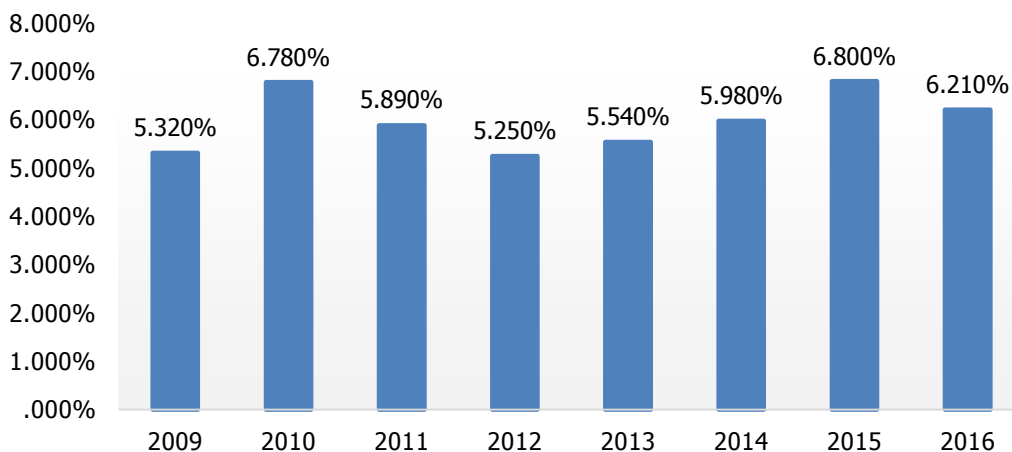
Mỗi một doanh nghiệp đều đóng một vai trò quan trọng nhất định trong sự ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế. Ngược lại, các nhân tố kinh tế cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái cũng có những tác động không nhỏ đến quá trình vận hành của doanh nghiệp. Sự biến động của những nhân tố này theo hướng tích cực hay tiêu cực đều dẫn đến những rủi ro tiềm tàng nhất định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhằm bắt những biến động này nhằm đề ra biện pháp ứng phó phù hợp là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam.

Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GDP năm 2016 ước đạt mức 6,21%, giảm so với mức 6,68% của năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do tăng trưởng của khu vực nông nghiệp chịu tác động của các hiện tượng thời tiết tiêu cực; tăng trưởng của khu vực khai khoáng suy giảm thấp hơn nhiều so với năm 2015 do tác động của thị trường hàng hóa thế giới khi cung vượt quá cầu, dẫn đến giá hàng hoá đồng loạt giảm xuống làm cho nhiều doanh nghiệp khai khoáng phải đóng cửa, trả lại mỏ, ngưng sản xuất.

Tốc độ tăng trưởng GDP theo năm



Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình kinh tế được cải thiện có tác động tích cực đến các ngành kinh tế, riêng đối với ngành hóa chất, nhu cầu hóa chất trong công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng đều tăng và do đó tạo lực đẩy đối với tình hình hoạt động của Công ty. Đây là thời điểm mà Công ty cần đề ra những chính sách phát triển đúng đắn nhằm tối đa hóa những lợi thế sẵn có, kết hợp với những thuận lợi từ bên ngoài, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản xuất và quy trình tiêu thụ sản phẩm, từ đó ổn định sản xuất, tăng trưởng lợi nhuận và nâng cao vị thế trong ngành.

Lãi suất

Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước cung ứng tiền chủ yếu thông qua việc mua ngoại tệ và hút ròng được khoảng hơn 60% tổng lượng tiền cung ứng thông qua thị trường mở. Trước tình hình thanh khoản dồi dào và các yếu tố thuận lợi từ kinh tế vĩ mô, từ cuối tháng 9, lãi suất huy động điều chỉnh giảm 0,3-0,5% ở các kỳ hạn ngắn, lãi suất cho vay cũng đã ghi nhận giảm ở một số ngân hàng với mức lãi suất giảm từ 0,2-0,5% ở các kỳ dài hạn. Đặc biệt, các Ngân hàng thương mại Nhà nước lớn đã giảm lãi suất cho vay ngắn hạn 0,5% - 1%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư và khởi nghiệp, lãi suất đối với 5 lĩnh vực ưu tiên về sát mức 6%/năm. Mặc dù thanh khoản trên thị trường khá dồi dào, lãi suất có tín hiệu giảm nhưng mặt bằng lãi suất vẫn chưa được như kỳ vọng. Lãi suất huy động và cho vay bình quân toàn thị trường cuối năm giảm so với những tháng trước nhưng vẫn tăng nhẹ so với đầu năm 2015.

Rủi ro biến động lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu đến từ các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất trong thời gian gần đây luôn được kiểm soát ở mức thấp, đây là một tín hiệu đáng mừng. Những năm gần đây, tỷ trọng nợ vay của CSV dao động trong khoảng 15-30% tổng tài sản và đang có xu hướng giảm dần. Đây cũng là dấu hiệu tốt khi công ty đang giảm thiểu được áp lực chi phí lãi vay. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, công ty luôn theo dõi chặt chẽ tình hình chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục tiêu vay vốn đầu tư. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được đẩy mạnh nhằm tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ tồn kho, cân đối sản xuất và tiêu thụ nhằm giảm thiểu tối đa áp lực đối với vốn lưu động.

Tỷ giá hối đoái

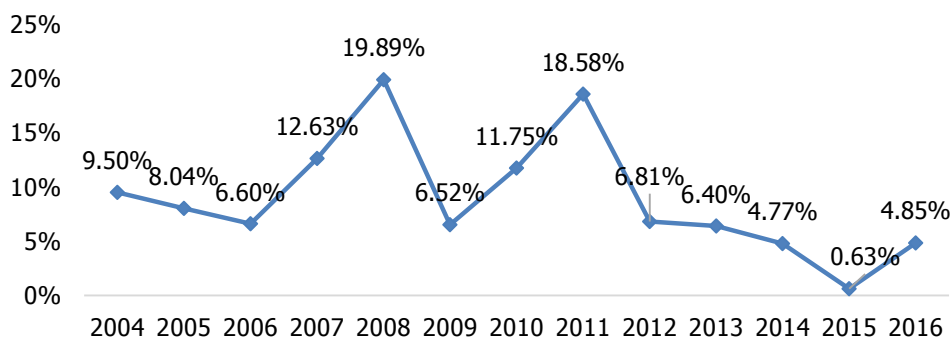
Thị trường ngoại hối trong năm 2016 đã chứng kiến đợt biến động mạnh vào cuối năm 2016, biến động trong thời gian này bị tác động chính bởi lộ trình điều chỉnh chính sách tiền tệ của FED, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ và sự phá giá của các đồng ngoại tệ trong khu vực. Diễn biến tỷ giá có xu hướng đón đầu trước các kì vọng chính sách của các nền kinh tế lớn. Do vậy so với thời điểm đầu năm 2016, đồng Việt Nam đã giảm giá khoảng 1,1% đến 1,2% so với đồng Đô la Mỹ.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ như USD và EUR, do đó sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty tiến hành xem xét thị trường hiện hành và lập kế hoạch dự kiến cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ, theo dõi sát những biến động của tỷ giá để thực hiện các giao dịch một cách kỹ lưỡng nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.

Lạm phát

Lạm phát năm 2016 ước ở mức 4,85%, cao hơn năm 2015 (0,6%) chủ yếu do tăng giá dịch vụ công ích như y tế và giáo dục. Việc điều chỉnh giá dịch vụ công mạnh hơn làm lạm phát năm 2016 cao hơn năm 2015 khoảng 3 điểm %. Bên cạnh đó, giá nhà ở và vật liệu xây dựng và giá thực phẩm tăng nhanh hơn cũng làm lạm phát tăng so với năm 2015. Ngoài ra, giá xăng dầu không giảm nhiều như trong năm 2015 đã khiến CPI của nhóm giao thông không giảm nhiều kỳ vọng.

Tỷ lệ lạm phát tại Việt Nam giai đoạn 2004 - 2016



Rủi ro đặc thù ngành hóa chất

Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí cho nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu chi phí của Công ty. Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của CSV bao gồm: muối công nghiệp, cát trắng, lưu huỳnh, phốt pho vàng, điện, $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$... Trong đó cát trắng, phốt pho vàng là những nguyên liệu trong nước sẵn có không phải nhập khẩu, hầu hết muối công nghiệp được nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng với lưu huỳnh và $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ Công ty nhập khẩu toàn bộ. Nguồn hàng chủ yếu được nhập từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Nga và Singapore. Có thể thấy, do nguyên liệu phải nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới nên giá thành phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện kinh tế, chính trị, nhu cầu sản xuất và tiêu thụ tại nước đó. Thêm vào đó, giá lưu huỳnh có xu hướng biến động theo giá dầu do đây là hóa phẩm dầu khí. Giá dầu thế giới thời gian qua có xu hướng giảm là một lợi thế của công ty, tuy nhiên đây cũng là yếu tố thường xuyên biến động và rất khó dự đoán. Mặt khác, đặc thù sản xuất của Công ty là sản phẩm của nhà máy này lại là nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng Công ty, vì vậy khi có sự biến động về giá cả và tính ổn định của nguồn cung trên thế giới cũng như trong nước đối với các loại nguyên vật liệu chính đều ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường và thế giới nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào.

Rủi ro cạnh tranh

Hội nhập cùng thị trường kinh tế thế giới mang đến không ít cơ hội, nhưng đi kèm theo đó là rất nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp, các ngành kinh tế trong nước, sự cạnh tranh cũng trở nên khốc liệt hơn. Thị trường đầu ra của công ty tương đối ổn định do những sản phẩm mà công ty sản xuất chủ yếu là nguyên liệu đầu vào của các ngành sản xuất khác như: thực phẩm, phân bón, hóa chất giặt tẩy, xử lý nước... Mặc dù nhu cầu của thị trường trong nước còn rất nhiều tiềm năng nhưng sự cạnh tranh cũng rất lớn đến từ sản phẩm cùng loại từ các công ty sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc. Hóa chất được phân theo hai dạng chính là hóa chất kỹ thuật (đa số trên thị trường) và hóa chất tinh (dùng trong sản xuất thực phẩm). Trung Quốc chủ yếu cạnh tranh vào phân khúc hóa chất kỹ thuật với giá thành rẻ. Hóa chất tinh chủ yếu được cung cấp bởi các doanh nghiệp uy tín trong nước. Đối thủ cạnh tranh trong nước chủ yếu là Vedan (HCl , NaOH), Supe Phốt phát Long Thành (H_2SO_4), Hóa chất Việt Trì (HCl , NaOH) và một số doanh nghiệp tư nhân khác (chủ yếu là thương mại). Thêm vào đó, các công ty trong ngành giấy và may mặc lớn cũng đầu tư sản xuất để tự cung cấp nhu cầu hóa chất nên ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ của sản phẩm Công ty.

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam luôn xác định vị thế và năng lực của các doanh nghiệp cùng ngành, từ đó có những phương hướng phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế, đồng thời phát huy được những lợi thế sẵn có của Công ty, từng bước nâng cao uy tín, khẳng định chỗ đứng của mình trong ngành hóa chất Việt Nam.

Rủi ro trong quá trình vận chuyển, lưu trữ, bảo quản các sản phẩm hóa chất

Những sản phẩm chính của Công ty bao gồm xút lỏng, khí clo hóa lỏng, keo thủy tinh lỏng, axit clohydric, axit sulfuric, axit phosphoric và các hợp chất muối vô cơ liên quan. Đây là những sản phẩm có tính ăn mòn hóa học cao và được phân loại vào nhóm hóa chất nguy hiểm theo Nghị định số 104/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Do những đặc trưng như trên, quá trình vận chuyển cũng như lưu trữ, bảo quản những sản phẩm này luôn tiềm ẩn những rủi ro mang tính chất nghiêm trọng. Sự cố xảy ra khi tham gia giao thông có thể dẫn đến việc hóa chất bị đổ, tràn... Chất lượng các thiết bị bảo quản không đảm bảo sẽ dẫn đến việc rò rỉ, bay hơi, phát tán các chất này. Đây còn là vấn đề liên quan đến an toàn lao động của Công ty, làm việc với hóa chất thường xuyên, sức khỏe của công nhân sẽ bị tác động và giảm sút nhanh chóng nếu không được đảm bảo các biện pháp an toàn. Một khi sự cố đã xảy ra, công ty không chỉ bị thiệt hại về hoạt động kinh doanh, nguồn nhân lực mà còn gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường, vì tính ăn mòn gây ra những biến đổi nhanh và mạnh đối với những vật tiếp xúc, đặc biệt là kim loại và protein.

Nhận thức rõ vai trò và tác động của rủi ro gây ra bởi những sản phẩm hóa chất, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam luôn ưu tiên tìm kiếm những giải pháp nhằm đảm bảo vận chuyển an toàn và vệ sinh lao động. Tiêu biểu là việc áp dụng hệ thống quản lý tích hợp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế cho tất cả các đơn vị thành viên ISO 14001, OHSAS 18001 và ISO 9001. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cũng được đầu tư nhằm trang bị cho người lao động những kiến thức liên quan đến an toàn hóa chất, ứng phó với sự cố hóa chất và phòng chống cháy nổ. Đối với hoạt động vận chuyển và bảo quản, bồn chứa hóa chất lỏng được thiết kế theo Tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất TCVN 5507:2002, Tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ TCVN 2622 - 1995. Đồng thời, công ty tiến hành kiểm tra thường xuyên bồn chứa, phương tiện vận chuyển định kỳ và chặt chẽ.

Nhờ triển khai đồng bộ và toàn diện, những biện pháp này đã mang lại hiệu quả cho công ty trong việc quản lý rủi ro về hóa chất, không để xảy ra bất kỳ tai nạn nghiêm trọng nào. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục cải tiến quy trình nhằm tăng cường chất lượng bảo quản, giảm thiểu tổn thất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro luật pháp

Là một Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực hóa chất, Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Hóa chất, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động...

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang

trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Cụ thể, trong năm 2016 Quốc hội đã ban hành Luật số 106/2016/QH13 liên quan đến thuế GTGT, thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, những luật này ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty. Nhiệm vụ đặt ra cho ban lãnh đạo Công ty là chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật Việt Nam, từ đó mới có thể hoạch định những chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được duy trì ổn định.

Rủi ro môi trường

Như đã đề cập, ngành sản xuất hóa chất luôn tiềm ẩn rủi ro gây ô nhiễm môi trường do đặc tính ăn mòn cũng như tác động mạnh của sản phẩm. Một khi xảy ra, những sự cố này thường để lại hậu quả rất nghiêm trọng không chỉ ở thời điểm hiện tại đối với người và tài sản, mà còn có nguy cơ gây ra những biến đổi về thành phần, cấu tạo, đặc tính của đất và thảm thực vật, ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh, uy tín và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Do đó, các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải,

giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra, xử lý chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải. Thực hành quản lý tốt rủi ro trong quá trình vận chuyển và bảo quản, lưu trữ sản phẩm cũng góp phần không nhỏ vào việc hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

MÁY HÓA CHẤT

ISO
9001
2000



TÂN BÌNH

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất kinh doanh của CSV trong năm 2016 gặp không ít khó khăn khi cạnh tranh trong ngành diễn ra rất khốc liệt. Thế nhưng trước những khó khăn đó, kết quả trong năm 2016 của Công ty vẫn rất khả quan. Công ty nhìn chung đã hoàn thành kế hoạch năm 2016 và có sự tăng trưởng tương đối tốt so với năm 2015.



27,82%

LNST cổ đông Công ty mẹ 2016 tăng 27,82% so với 2015

Kết quả kinh doanh 2016 so với cùng kỳ 2015:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	TH 2016	2016/2015
Sản phẩm sản xuất (tấn)	253.579	253.073	-0,20%
Tổng doanh thu hợp nhất	1.546	1.541	-0,32%
LNST cổ đông Công ty mẹ	133	170	27,82%



110,50%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2016 đạt 110,50% so với kế hoạch

Kết quả kinh doanh 2016 so với kế hoạch đã được phê duyệt:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2016	TH 2016	TH/KH
Giá trị SXCN theo giá thực tế	1.434	1.588	110,74%
<i>Công ty mẹ</i>	<i>1.034</i>	<i>1.057</i>	<i>102,22%</i>
<i>Công ty con</i>	<i>400</i>	<i>531</i>	<i>132,75%</i>
Tổng doanh thu tiêu thụ	1.448	1.577	108,91%
Doanh thu công ty mẹ	1.048	1.077	102,77%
Doanh thu công ty con	400	500	125,00%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	200	221	110,50%

Trong năm 2016, tổng doanh thu đạt 1.541 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,32% so với năm 2015, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng mạnh 27,82% so với năm trước. Tình hình sản xuất nhìn chung vẫn đạt hiệu quả, sản lượng các mặt hàng tăng so với năm 2015. Dù vậy vẫn có những mặt hàng có sản lượng giảm sút như HCl, Silicate, phèn đơn các loại hay Phốt pho vàng.

Kết quả này là nhờ những thuận lợi và việc khắc phục những khó khăn sau:

Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ rất hiệu quả của Lãnh đạo và các phòng ban trong Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công tác tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động nhằm đáp ứng cho sản xuất – kinh doanh của Công ty đã ngày càng hoàn thiện, Công ty cùng các đơn vị trực thuộc đã thực sự có sự phối hợp thống nhất để đảm bảo sản xuất ổn định, đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của người lao động.

Giá nguyên liệu, vật tư thiết bị đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh không có biến động lớn. Chi phí khấu hao năm 2016 giảm, nên giá thành các sản phẩm của công ty năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm 2015.

Việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu, có thể mạnh của Công ty trong năm 2016 gặp nhiều thuận lợi; một số các dự án về xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất chất tẩy rửa, sản xuất thực phẩm ... vẫn đang được mở rộng đầu tư thêm dẫn đến lượng tiêu thụ các sản phẩm như Xút lỏng, Clo lỏng, PAC, Javel, H_2SO_4 và các sản phẩm hóa chất khác của Công ty tăng cao. Giá xút vảy nhập khẩu trong những tháng cuối năm tăng, số lượng nhập không ổn định tạo cơ hội cho Nhà máy phát huy hết công suất.

Sự đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV cùng những kinh nghiệm rút ra từ những năm qua đã góp phần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

Khó khăn:

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ silicate, phèn, giảm so với năm 2015. Nguyên nhân vì thị trường thu hẹp, các đối tác tiêu thụ không đạt được kế hoạch.

Sản phẩm gốc phốt phát gần như không tiêu thụ được do chính sách của chính phủ, hàng hóa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp không chịu thuế GTGT (sản phẩm của công ty chịu thuế GTGT 10%), chỉ giữ lại được thị trường sản xuất men vi sinh nhưng đang bị áp lực giảm giá bán.

Tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam: thị trường tiêu thụ bị thu hẹp. Theo Luật số 06/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế, có sửa đổi, bổ sung danh mục các sản phẩm không chịu thuế GTGT, trong đó có sản phẩm Phốt pho vàng, điều này làm cho thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, mà phải hạch toán vào giá vốn hàng bán khiến giá thành sản xuất Phốt pho vàng của công ty tăng. Các nhà máy mới khác ra đời được ưu đãi về thuế nên giá thành thấp và giá bán cạnh tranh hơn. Bên cạnh đó, việc công ty phải trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi, hạch toán vào chi phí, dẫn đến lợi nhuận năm 2016 giảm so với năm 2015.

Việt Nam ký các hiệp định thương mại, tham gia cộng đồng kinh tế dẫn đến thuế suất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất công ty sản xuất giảm. Nhiều sản phẩm có thuế nhập khẩu ưu đãi chỉ còn 0% cho nên công ty hiện phải chịu sự cạnh tranh rất lớn với hàng nhập ngoại về giá cả.

Xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, do gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng cùng loại của Trung Quốc: H_3PO_4 , HCl, các sản phẩm gốc phốt phát...

Hiện nay nhu cầu thị trường trong nước về các sản phẩm Xút - Clo là rất lớn, nhưng do các nhà máy trực thuộc Công ty tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đang nằm trong diện di dời theo chủ trương chuyển đổi công năng của Tỉnh Đồng Nai, cho nên việc đầu tư mở rộng sản xuất tại các nhà máy này là không khả thi.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ
Nguyễn Hữu Thọ	Tổng giám đốc	53.400	0,120%
Lê Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	1.700	0,004%
Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc	1.900	0,004%
Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc	23.100	0,050%
Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	2.100	0,005%

Ông Nguyễn Hữu Thọ – Tổng giám đốc

Ngày sinh	16/09/1959
CMND	086059000012
Địa chỉ	180/12A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa - Đại học Bách Khoa TP.HCM; Cử nhân Ngoại ngữ Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Quá trình công tác	
1987 - 2005	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
2005 - 2013	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	
Sở hữu cá nhân	53.400 cổ phần, chiếm 0,12%
Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	8.8400.000 cổ phần, chiếm 20,00%

Ông Lê Thanh Bình – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	31/12/1972
CMND	022525824
Địa chỉ	588 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Mở bán công
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam
Quá trình công tác	
10/1995 - 2011	Nhân viên tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
2001 - 12/2013	Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - 04/2015	Thành viên HĐQT; Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh tại CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
04/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	1.700 cổ phần, chiếm 0,04%

Ông Hoàng Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	03/12/1969
CMND	024370252
Địa chỉ	133/12 Ngô Đức Kế, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện hóa - Đại học Bách Khoa Đà Nẵng; Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế TP.HCM
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Quá trình công tác	
1992 - 1993	Cán bộ nghiên cứu tại Viện kỹ thuật nhiệt đới bảo vệ môi trường
1993 - 2006	Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Giám đốc tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
2006 - 2013	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên hòa tại CTCP TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Hóa chất Biên hòa tại CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	1.900 cổ phần, chiếm 0,004%

Ông Nguyễn Hoài Phú – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	01/11/1960
CMND	020791888
Địa chỉ	322/7 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế TP.HCM
Chức vụ đang nắm giữ	Phó Tổng giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Thành viên HĐQT CTCP Phốt pho Việt Nam
Quá trình công tác	
03/1982 - 12/1994	Nhân viên, Kế toán trưởng tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình
12/1994 - 12/2013	Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	23.100 cổ phần, chiếm 0,05%

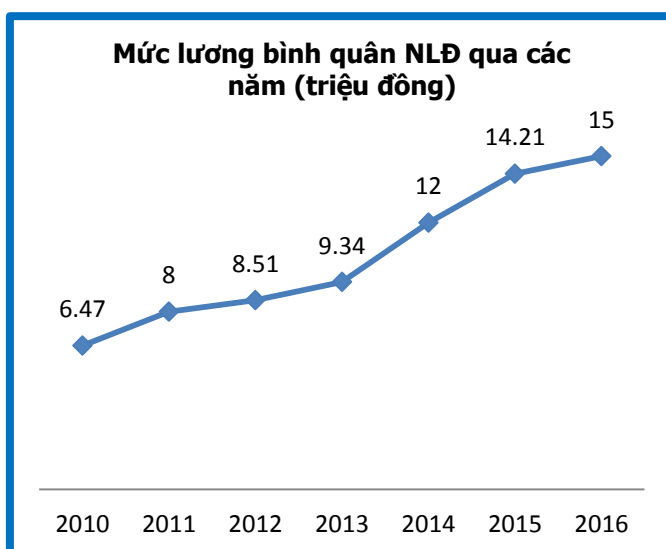
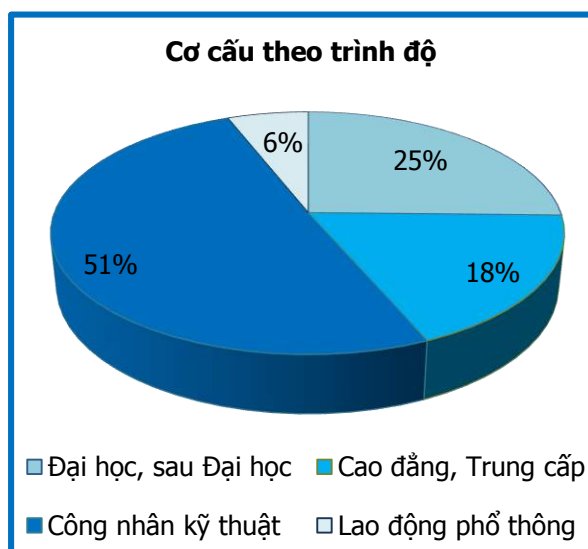
Bà Lê Thị Ngọc Diệp – Kế Toán trưởng

Ngày sinh	17/03/1965
CMND	021630433
Địa chỉ	68 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế vật tư - Đại học Kinh tế TP.HCM
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán trưởng CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam, Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Phốt pho Việt Nam
Quá trình công tác	
Trước năm 1993	Nhân viên, Phó Trưởng phòng KTTC, Trưởng phòng KTTC tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
12/1994 - 12/2016	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam
01/2014 - nay	Kế toán trưởng tại CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	2.100 cổ phần, chiếm 0,005%

Cơ cấu nhân sự

Tính đến 31/12/2016, tổng số lao động của Tổng Công ty là 687 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ lao động	687	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	174	25,33%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	125	18,20%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	347	50,51%
4	Lao động phổ thông	41	5,97%
B	Theo đối tượng lao động	687	100%
1	Lao động trực tiếp	449	65,36%
2	Lao động gián tiếp	238	34,64%
C	Theo giới tính	687	100%
1	Nam	610	88,79%
2	Nữ	77	11,21%



Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng việc xây dựng một chế độ làm việc hợp lý là bước đầu tiên và cơ bản trong chuỗi chính sách nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với công ty. Do vậy công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

✓ Về thời gian làm việc:

- Tất cả cán bộ công nhân viên làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần. Trong trường hợp cần bố trí làm thêm giờ do yêu cầu sản xuất thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.
- Người lao động được nghỉ 30 phút trong thời gian làm việc bình thường; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.
- CBCNV Công ty và các đơn vị thành viên không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định. Các trường hợp nghỉ theo chế độ ốm đau, thai sản... được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 111 và 112 Bộ Luật lao động. Nếu số ngày đi đường kể cả lượt đi và về trên 2 ngày thì ngày thứ 3 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ phép năm và chỉ được tính cho 1 lần nghỉ trong năm. Được thanh toán tiền tàu xe khi nghỉ phép năm để đi thăm gia đình, người thân (mỗi năm 1 lần) bằng phương tiện giao thông công cộng nếu có đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.

✓ Về điều kiện làm việc:

- Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Đảm bảo điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Người lao động trong Công ty được hưởng lương theo hệ số, hệ số lương được tính căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và năng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Chính sách đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân tài

Trong một thị trường mà tính cạnh tranh ngày một cao, yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của công ty cũng theo đó ngày một tăng lên, việc tuyển dụng được những người lao động có năng lực, tay nghề và kinh nghiệm là cực kỳ quan trọng. Xác định rõ điều này, công ty đã đề ra những tiêu chuẩn rõ ràng đối với từng vị trí, chức vụ theo yêu cầu công việc. Yêu cầu cơ bản nhất đối với lao động trong công ty là có trình độ chuyên môn, sự chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Tùy vào mức độ quan trọng của từng vị trí tuyển dụng mà yêu cầu đối với ứng viên sẽ khác nhau. Đối với cán bộ quản lý điều hành, các yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, bao gồm trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, công ty có chính sách chủ động tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời ban hành phương án lương thưởng đặc biệt cho những nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan nhằm tăng cường sự gắn bó của họ đối với công ty.

Bên cạnh việc tập trung thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, công ty có biện pháp chủ động nâng cao mặt bằng cán bộ công nhân viên bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các dự án trong năm

Nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, trong năm công ty tập trung đầu tư hoàn thiện và từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu đồng thời hoàn thiện từng cơ sở hạ tầng kho bãi.

- ✓ Kế hoạch ĐTXD 18,541 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là đầu tư các thiết bị lẻ để duy trì hoạt động sản xuất tại các đơn vị; giá trị thực hiện 29,1 tỷ đồng đạt 156,95% kế hoạch.
- ✓ Kế hoạch sửa chữa lớn 21,0 tỷ đồng gồm 12 hạng mục; giá trị thực hiện là 16,3 tỷ đồng, đạt 77,2% kế hoạch, trong đó có 9 hạng mục đã quyết toán, 3 hạng mục đang thực hiện và chuyển tiếp sang 2017.

Tình hình hoạt động của Công ty con

Hiện nay, công ty đang nắm giữ 65,05% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam, một số chỉ tiêu cơ bản của công ty con như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2016/2015
Tổng tài sản	237	203	-14,35%
Tổng doanh thu	481	500	3,95%
Lợi nhuận sau thuế	48,31	11,64	-75,90%
Biên LNST (%)	10,04%	2,33%	-76,79%

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính



11,41%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 11,41% so với 2015



16,46%

Biên LNST tăng 16,46% so với 2015

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng / giảm 2016
Tổng tài sản	1.011.680,10	1.009.675,28	-0,20%
Doanh thu thuần	1.546.380,67	1.541.132,06	-0,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	210.559,42	234.575,79	11,41%
Biên LN từ HĐKD (%)	13,62%	15,22%	11,75%
Lợi nhuận khác	-14.072,70	-13.093,57	-
Lợi nhuận trước thuế	196.486,72	221.482,20	12,72%
Lợi nhuận sau thuế	150.256,66	174.474,11	16,12%
Biên LNST (%)	9,72%	11,32%	16,46%

Trong năm 2016, công ty cũng gặp một số khó khăn liên quan đến nguyên vật liệu, sự cạnh tranh của thị trường, cũng như những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất vẫn duy trì ở mức ổn định, thể hiện ở những con số như: Doanh thu đạt 1.541 tỷ đồng, không có nhiều biến động so với cùng kỳ, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 234,6 tỷ đồng, tăng hơn 11,41% so với kết quả đạt được năm 2015.

Nguyên nhân dẫn đến việc mặc dù doanh thu không tăng nhưng lợi nhuận trước và sau thuế tăng là do tốc độ giảm của doanh thu thấp hơn tốc độ giảm của giá vốn hàng bán (giảm từ 1.201,96 tỷ đồng xuống còn 1.141,68 tỷ đồng – tương ứng mức giảm 5,28%), làm cho lợi nhuận tăng như đã đề cập ở trên.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2015	2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,09	3,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,43	2,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,38%	29,90%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62,27%	42,65%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	4,96	4,91
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,56	1,53
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,72%	11,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	24,15%	26,22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	15,15%	17,26%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,62%	15,22%

Về khả năng thanh toán:

Trong thời gian qua hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 đã tăng đạt 3,00 lần trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng ở mức cao 2,32 lần. Công ty chủ động duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, đồng thời duy trì lượng tài sản ngắn hạn phù hợp cho mục đích sản xuất kinh doanh, không gây lãng phí. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cũng như quản lý tốt lượng hàng tồn kho.

Về cơ cấu vốn:

Công ty đang có xu hướng không sử dụng quá nhiều đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dần trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015, trong năm 2016 Công ty tiếp tục duy trì xu hướng này, cơ cấu nợ trên tổng tài sản giảm còn 29,9% và nợ trên vốn chủ sở hữu còn 42,65% trong đó chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn. Chính sách duy trì nợ vay trên tổng tài sản dưới 40% như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực trả nợ và lãi vay cho công ty.

Về năng lực hoạt động:

Số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản trong năm 2016 có diễn biến trái chiều. Vòng quay hàng tồn kho giảm không đáng kể so với năm 2015, đạt mức 4,91 vòng, chủ yếu do trong năm 2016, giá trị hàng tồn kho giảm mạnh gần 19,32% so với cùng kỳ; Với chỉ tiêu Doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân, do trong năm đều có sự sụt giảm về tổng tài sản lẫn doanh thu thuần dẫn đến chỉ tiêu này cũng sụt giảm 0,03% so với năm 2015.

Về khả năng sinh lời:

Nhờ hiệu quả của chủ trương tiết giảm chi phí nên dù cho doanh thu thuần giảm nhẹ nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng cao so với năm 2015, vì vậy chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của công ty trong năm 2016 có xu hướng tăng so với năm 2015. Cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế tăng thêm 16,46% so với 2015 lên đến 11,32%, biên lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng từ 13,62% lên 15,22%, ROE và ROA lần lượt tăng lên 26,22% và 17,26%.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

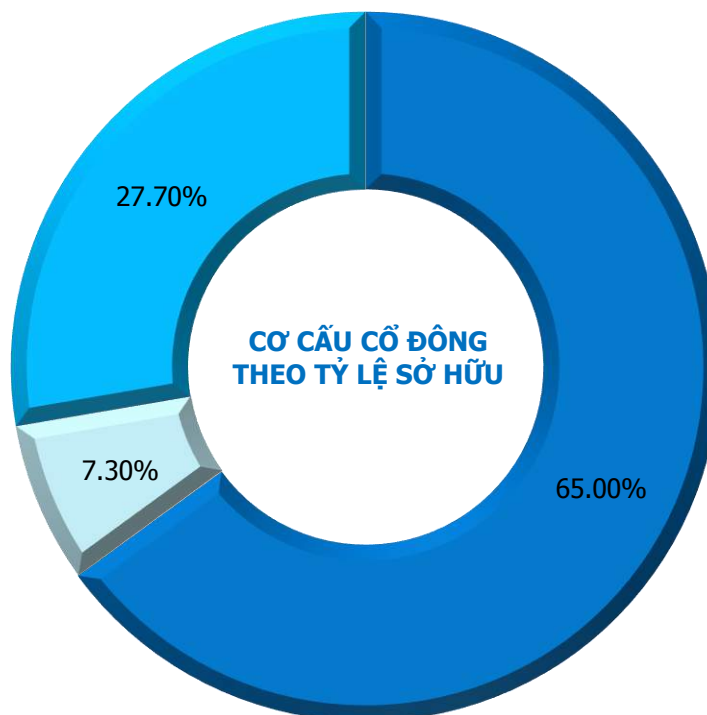
Số lượng cổ phần:	44.200.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng
Số cổ phần ưu đãi:	không có
Số cổ phần phổ thông:	44.200.000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	44.200.000 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng:	44.200.000 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 02/01/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 442.000.000.000 đồng. Công ty chưa tiến hành tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2016, Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.

■ Cổ đông Nhà nước ■ Cổ đông lớn ■ Cổ đông khác



Cơ cấu cổ đông cập nhật ngày 23/03/2017

Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Cổ đông Nhà nước	28.731.000	65,00%
Cổ đông sáng lập	-	0
- Trong nước	-	0
- Nước ngoài	-	0
Cổ đông lớn (sở hữu $\geq 5\%$ vốn CP)	3.226.774	7,30%
- Trong nước	-	0
- Nước ngoài	3.226.774	7,30%
Cổ đông khác	12.082.226	27,34%
- Trong nước	6.315.746	14,29%
- Nước ngoài	5.766.480	13,05%
TỔNG CỘNG	44.200.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	0100100061	1A Tràng Tiền, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	28.731.000	65%
Vietnam Investment Property Holdings	CS7869	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah 115 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp.HCM	3.226.774	7,3%

6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công tác quản lý

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong năm của Công ty cụ thể như sau:

Nguyên liệu đầu vào	Xuất xứ	Đơn vị tính	Sử dụng trong năm
Muối Công nghiệp	Ấn Độ	Tấn	82.097,98
Cát trắng	Việt Nam	Tấn	8.834,20
Lưu huỳnh	Nga	Tấn	18.240,55
Phốt pho vàng	Việt Nam	Tấn	454,80
Điện	Việt Nam	Kwh	210.888.967

Công ty chủ yếu sử dụng những nguyên vật liệu như muối công nghiệp, cát trắng, lưu huỳnh, phốt pho vàng, $\text{BaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$... Nguyên liệu được nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới, trong đó Ấn Độ, Úc, Trung Quốc và Nga chiếm đa số.

Đối với các sản phẩm xút-clo, điện là nguồn năng lượng không thể thiếu cho quá trình điện phân, EVN là nhà cung cấp toàn bộ điện cho quá trình sản xuất của công ty, muối công nghiệp chủ yếu nhập khẩu từ Ấn Độ và Úc.

Đối với sản phẩm axit, lưu huỳnh chủ yếu được nhập khẩu từ Singapore và Nga, phốt pho vàng được cung cấp trong nước bởi CTCP Phốt pho Việt Nam.

Trong quá trình sản xuất, công ty đã luôn chú ý đến công tác tiết kiệm nguồn nguyên liệu để vừa giảm bớt chi phí sản xuất, vừa góp phần bảo vệ môi trường.

Quản lý chất lượng

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam hiện là đơn vị sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản với hơn 40 chủng loại sản phẩm, trong đó các sản phẩm chính là xút NaOH, Axit Clohydric (HCl), Clor lỏng (Cl_2), Axit Sunfuric (H_2SO_4), Natri Silicat các loại và Phốt pho vàng (P_4). Các dây chuyền sản xuất của công ty hầu như đều theo mô hình khép kín với công suất lớn, sản phẩm đầu ra của dây chuyền này là nguyên liệu đầu vào của dây chuyền kia nên đã giúp CSV tiết kiệm chi phí, đa dạng sản phẩm và tăng tính chủ động trong nguồn nguyên liệu đầu vào. Do đó, công ty có khả năng cung cấp những chuỗi sản phẩm đầy đủ. Nhờ vậy, thị phần của CSV ở các mảng sản phẩm chính đều dẫn đầu thị trường trong nước.

Công ty chủ động xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng sản phẩm nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất trong công tác giám sát, thực hành sản xuất, cũng như phát hiện nguyên nhân sự cố xảy ra để có biện pháp xử lý kịp thời.

Bảng tiêu chuẩn quản lý chất lượng nội bộ

Natri hydroxyt (NaOH)	32%	TCCS 01:2011/HCBH
	45%	TCCS 02:2011/HCBH
	50%	TCCS 019:2011/HCBH
	20%	TCCS 04:2011/HCBH
Axit Clohydric (HCl)	25%	TCCS 017:2011/HCBH
	32%	TCCS 04:2011/HCBH
	35%	TCCS 018:2011/HCBH
Axit Photphoric H_3PO_4	Cấp kỹ thuật	TCCS 18:2001/HCCB
	Cấp thực phẩm	TCCS 35:2002/HCCB
Axit Sunfuoric H_2SO_4	Cấp tinh khiết	TCCS 20:2011/HCBH (97%)
		TCCS 23:2011/HCBH (50%)
	Cấp kỹ thuật	TCCS 01:2011/HCTB2
Nhôm hydroxyt $Al(OH)_3$		TCCS 12:2001/HCCB
Clo lỏng (Cl_2)		TCCS 09:2011/HCBH
Phèn nước Nhôm sunfat $Al_2(SO_4)_3 \cdot nH_2O$		TCCS 14/2011/HCBH
Javen ($NaClO$)	100g/l	TCCS 05:2011/HCBH
	120g/l	TCCS 06:2011/HCBH
Poly Aluminium Chloride 10%, 17%		TCCS 07:2011/HCBH
Dung dịch $FeCl_3$	30%	TCCS 15:2011/HCBH
	36%	TCCS 16:2011/HCBH
Kali Clorua (KCl)	Cấp thực phẩm	TCCS 01:2011/HCCB
	Cấp tinh khiết	TCCS 22: 2001/ HCCB
Canxi Clorua $CaCl_2$	Cấp thực phẩm	TCCS 02:2011/HCCB
	Cấp tinh khiết	TCCS 204: 2011/ HCCB
Magie Sunfat ($MgSO_4 \cdot 7H_2O$)		TCCS 10/2010/HCBH
Amoniac (NH_4OH)		TCCS 21: 2001/HCCB
Mono Amon Photphat $[(NH_4)H_2PO_4]$	Cấp thực phẩm	TCCS 03: 2011/HCCB
	Cấp kỹ thuật	TCCS 19:2001/HCCB
Mono Kali Photphat (KH_2PO_4)		TCCS 20: 2001/HCCB
Natri photphat - $Na_3PO_4 \cdot 12H_2O$		TCCS 23:2001/HCCB
Natri Silicat các loại ($M = 2.3 \sim 2.7$)		TCCS 08:2011/HCBH

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

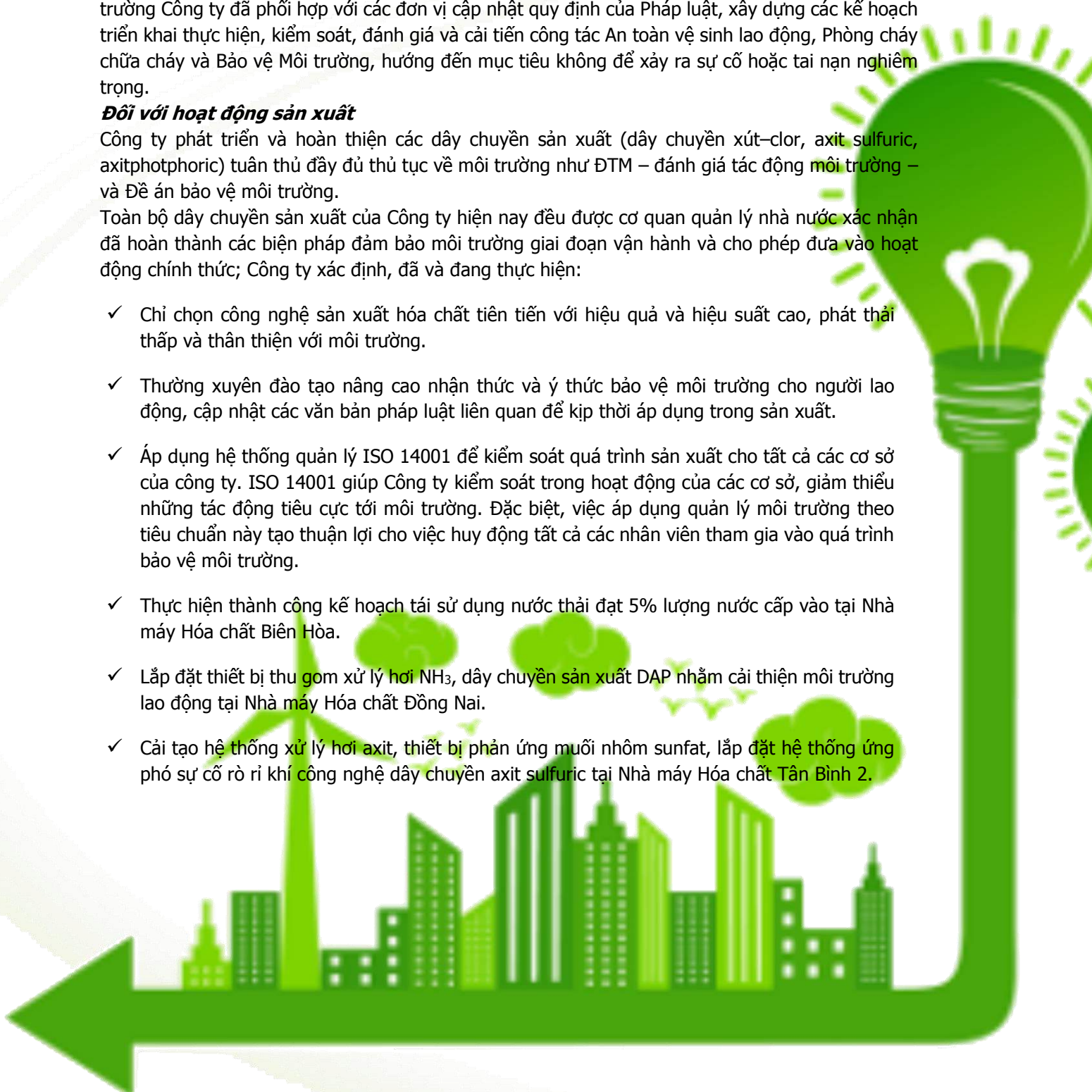
Đặc thù ngành sản xuất hóa chất là luôn tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường do đặc tính sản phẩm. Do vậy, công tác bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho công ty trong việc ổn định sản xuất và kinh doanh bền vững. Từ đó, công ty đã đầu tư xây dựng, phát triển toàn diện hệ thống dây chuyền sản xuất, xử lý chất thải, đồng thời luôn luôn theo dõi nhằm bám sát tình hình để có những điều chỉnh phù hợp trong chiến lược, đảm bảo sản phẩm luôn đạt tiêu chuẩn an toàn chất lượng và thân thiện với môi trường. Năm 2016, Phòng An toàn và Môi trường Công ty đã phối hợp với các đơn vị cập nhật quy định của Pháp luật, xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện, kiểm soát, đánh giá và cải tiến công tác An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ Môi trường, hướng đến mục tiêu không để xảy ra sự cố hoặc tai nạn nghiêm trọng.

Đối với hoạt động sản xuất

Công ty phát triển và hoàn thiện các dây chuyền sản xuất (dây chuyền xút-clor, axit sulfuric, axitphosphoric) tuân thủ đầy đủ thủ tục về môi trường như ĐTM – đánh giá tác động môi trường – và Đề án bảo vệ môi trường.

Toàn bộ dây chuyền sản xuất của Công ty hiện nay đều được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận đã hoàn thành các biện pháp đảm bảo môi trường giai đoạn vận hành và cho phép đưa vào hoạt động chính thức; Công ty xác định, đã và đang thực hiện:

- ✓ Chỉ chọn công nghệ sản xuất hóa chất tiên tiến với hiệu quả và hiệu suất cao, phát thải thấp và thân thiện với môi trường.
- ✓ Thường xuyên đào tạo nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động, cập nhật các văn bản pháp luật liên quan để kịp thời áp dụng trong sản xuất.
- ✓ Áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001 để kiểm soát quá trình sản xuất cho tất cả các cơ sở của công ty. ISO 14001 giúp Công ty kiểm soát trong hoạt động của các cơ sở, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới môi trường. Đặc biệt, việc áp dụng quản lý môi trường theo tiêu chuẩn này tạo thuận lợi cho việc huy động tất cả các nhân viên tham gia vào quá trình bảo vệ môi trường.
- ✓ Thực hiện thành công kế hoạch tái sử dụng nước thải đạt 5% lượng nước cấp vào tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- ✓ Lắp đặt thiết bị thu gom xử lý hơi NH_3 , dây chuyền sản xuất DAP nhằm cải thiện môi trường lao động tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai.
- ✓ Cải tạo hệ thống xử lý hơi axit, thiết bị phản ứng muối nhôm sunfat, lắp đặt hệ thống ứng phó sự cố rò rỉ khí công nghệ dây chuyền axit sulfuric tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.



Đối với hoạt động theo dõi, giám sát

Quan trắc môi trường được thực hiện đầy đủ các thông số và đúng tần suất theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

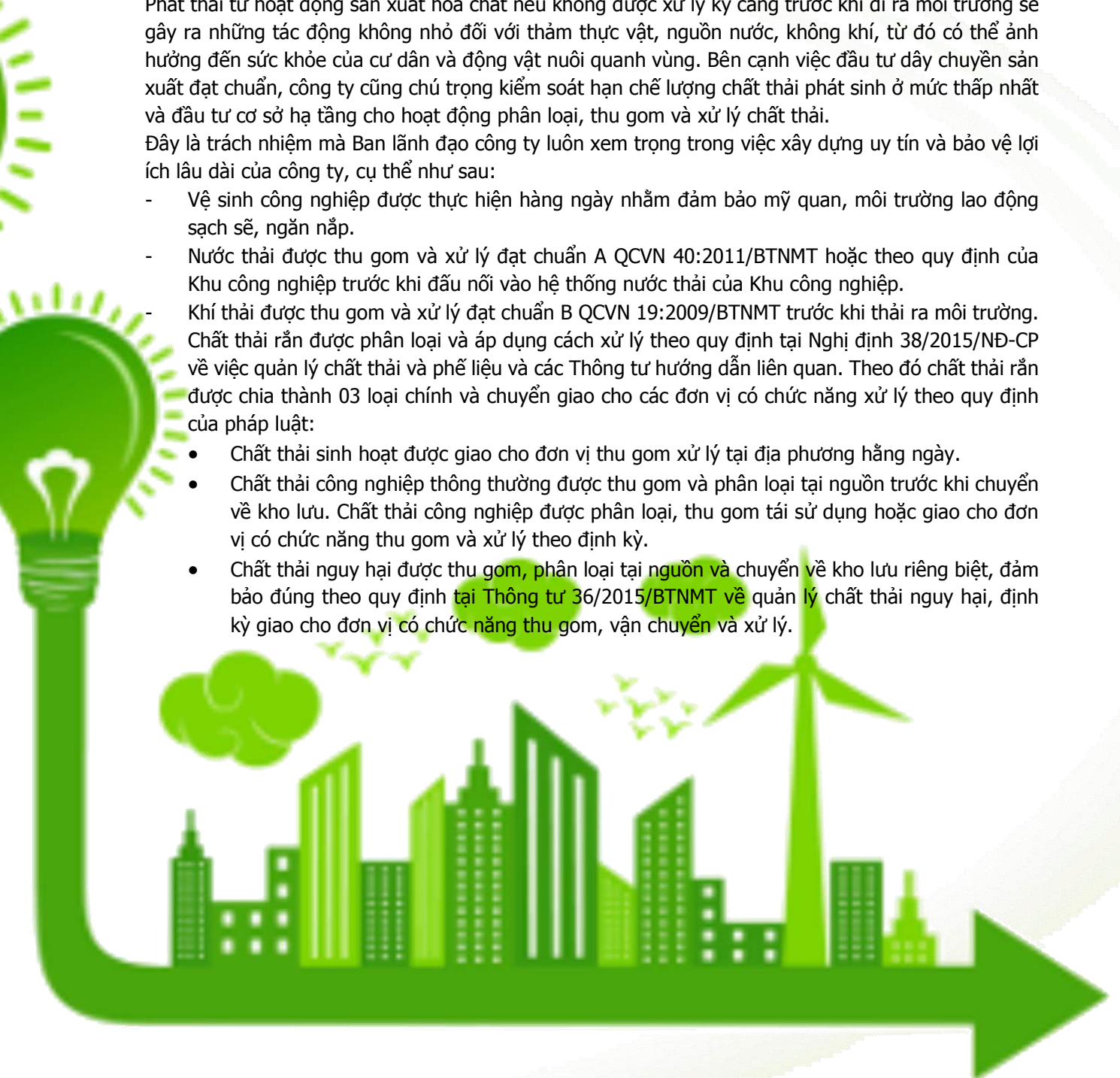
Chế độ báo cáo thực hiện đầy đủ nội dung và đúng hạn theo quy định của pháp luật. Trong năm 2016, công ty cũng tiếp các đoàn thanh tra về công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường. Tổng cục môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty được thực hiện tốt. Bên cạnh đó, Cục Cảnh sát PCCC – Bộ Công An cũng đánh giá tốt về công tác PCCC của công ty.

Đối với hoạt động xử lý chất thải

Phát thải từ hoạt động sản xuất hóa chất nếu không được xử lý kỹ càng trước khi đi ra môi trường sẽ gây ra những tác động không nhỏ đối với thảm thực vật, nguồn nước, không khí, từ đó có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của cư dân và động vật nuôi quanh vùng. Bên cạnh việc đầu tư dây chuyền sản xuất đạt chuẩn, công ty cũng chú trọng kiểm soát hạn chế lượng chất thải phát sinh ở mức thấp nhất và đầu tư cơ sở hạ tầng cho hoạt động phân loại, thu gom và xử lý chất thải.

Đây là trách nhiệm mà Ban lãnh đạo công ty luôn xem trọng trong việc xây dựng uy tín và bảo vệ lợi ích lâu dài của công ty, cụ thể như sau:

- Vệ sinh công nghiệp được thực hiện hàng ngày nhằm đảm bảo mỹ quan, môi trường lao động sạch sẽ, ngăn nắp.
- Nước thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn A QCVN 40:2011/BTNMT hoặc theo quy định của Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải của Khu công nghiệp.
- Khí thải được thu gom và xử lý đạt chuẩn B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường. Chất thải rắn được phân loại và áp dụng cách xử lý theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Theo đó chất thải rắn được chia thành 03 loại chính và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật:
 - Chất thải sinh hoạt được giao cho đơn vị thu gom xử lý tại địa phương hằng ngày.
 - Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại tại nguồn trước khi chuyển về kho lưu. Chất thải công nghiệp được phân loại, thu gom tái sử dụng hoặc giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo định kỳ.
 - Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và chuyển về kho lưu riêng biệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 36/2015/BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.



Các hoạt động khác

Với sự hỗ trợ của Cộng đồng Trách nhiệm Xã hội Việt Nam (VRCC) thuộc Hội Hóa học Việt Nam, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đã triển khai hệ thống Trách nhiệm xã hội tự nguyện (Responsible Care) tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai. Đây không chỉ là hoạt động nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp và cộng đồng, mà còn giúp ngăn ngừa những sự cố hóa chất từ khâu sản xuất, lưu trữ, phân phối, sử dụng tới kiểm soát, xử lý chất thải... từ đó giúp ổn định và nâng cao năng lực sản xuất, giảm thiểu chi phí, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Các hoạt động tuyên truyền Pháp luật lao động, PCCC và BVMT qua loa đài, bảng thông báo tại đơn vị cũng được tiến hành thường xuyên. Công ty còn cử Đội PCCC tham gia hội thao do cơ quan PCCC địa phương tổ chức, triển khai vận động công nhân viên tham gia vệ sinh công nghiệp, trồng mới cây xanh góp phần bảo vệ môi trường.

Nhờ thực hiện đồng bộ và toàn diện các biện pháp đảm bảo an toàn trong dây chuyền sản xuất cũng như xử lý chất thải theo quy định, trong năm 2016 Công ty không vi phạm các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong tương lai, để tiếp tục thực hiện tốt công tác này, CSV vẫn sẽ đặt vấn đề môi trường lên hàng đầu. Mỗi dự án đầu tư sẽ được nghiên cứu kỹ càng, xem xét các yếu tố có thể ảnh hưởng đến con người, thảm thực vật, các sinh vật sống, môi trường nước, không khí... Công tác tuyên truyền cho người lao động cũng như cộng đồng về ý thức xây dựng môi trường xanh sẽ được tăng cường. Mỗi một CBCNV Công ty sẽ là một kênh tuyên truyền và lan tỏa thông điệp. Trách nhiệm sẽ là giá trị tinh thần cốt lõi mà những hoạt động của công ty tập trung hướng vào, khi mỗi cá nhân nhận thức rõ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, công tác này sẽ được thực hiện toàn diện và hiệu quả.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam luôn đồng hành, sẻ chia thành quả cùng người lao động cũng như thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp vì cộng đồng xã hội.

Công ty đã có nhiều hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng như thường xuyên thăm hỏi, tặng quà các gia đình có công với cách mạng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tổ chức các chuyến đi về nguồn để CBCNV vừa có cơ hội thư giãn nhân các dịp lễ vừa có dịp nâng cao ý thức và trách nhiệm với cộng đồng.

Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kết hợp với nhiều biện pháp tích cực và toàn diện, Hóa chất cơ bản miền Nam đã từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi cá nhân cũng như tập thể CBCNV công ty, đồng thời góp sức mình vào quá trình xây dựng chất lượng xã hội ngày một cao hơn. Trong thời gian tới, hoạt động này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh không chỉ trong phạm vi tại cộng đồng địa phương mà sẽ còn mở rộng ra các địa bàn khác, đưa sự chia sẻ của Hóa chất Cơ bản Miền Nam đến với nhiều hoàn cảnh, nhiều khu vực hơn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân lực luôn có giữ vai trò quyết định đối với tương lai của một doanh nghiệp. Với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc thân thiện để mọi người cùng chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tạo tâm lý thoải mái cho người lao động, Công ty đã chú ý đề ra chính sách đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cán bộ công nhân viên, trong đó nổi bật là chế độ lương thưởng và an toàn lao động.

Nhận thức được vai trò của công tác nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong thời gian qua Công ty thường xuyên cử nhiều cán bộ quản lý, người lao động tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và Công ty tổ chức. Những cá nhân này sau đó sẽ có những nhân tố chia sẻ lại kinh nghiệm cho CBCNV khác. Việc này một mặt vừa giúp nâng cao mặt bằng trình độ của người lao động, vừa là một hình thức khuyến khích văn hóa chia sẻ và tự học hỏi trong tập thể. Trong năm qua, Công ty còn tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về các công tác an toàn sản xuất, tiết kiệm năng lượng và kỹ năng mềm cho nhân viên.

Về đời sống vật chất, Công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao tính cạnh tranh cũng như

cải thiện không khí làm việc, tạo động lực làm việc hăng say cho nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức những cuộc thi nâng bậc, thưởng cho những cá nhân làm việc hiệu quả, có ý tưởng mới đóng góp và quá trình sản xuất. Ngoài tiền lương, người lao động trong Công ty còn được nhận thêm phụ cấp tiền ăn trưa, đi lại, thưởng nhân dịp lễ tết. Trường hợp CBCNV nghỉ theo chế độ hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đều được hưởng trợ cấp theo đúng chế độ, đúng với thỏa thuận đã ký trong hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Về đời sống tinh thần, CSV thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ nhân viên thông qua việc tặng quà sinh nhật, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như tổ chức các kỳ nghỉ mát, nghỉ dưỡng định kỳ hằng năm nhằm củng cố tinh thần đoàn kết giữa cán bộ công nhân viên và sự gắn bó với Công ty. Ngoài ra, CSV luôn chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cải thiện điều kiện làm việc, trang bị đầy đủ vật dụng, trang thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Sự quan tâm chăm sóc chu đáo cùng những chế độ khuyến khích tinh thần cống hiến, sáng tạo đã góp phần tạo nên sự đoàn kết, đồng thuận trong tập thể CBCNV, giúp CSV hoàn thành tốt các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đạt được nhiều thành công trong suốt hơn 40 năm qua.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến của Công ty

Kế hoạch phát triển trong tương lai

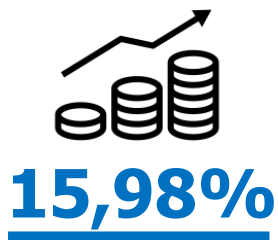
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc



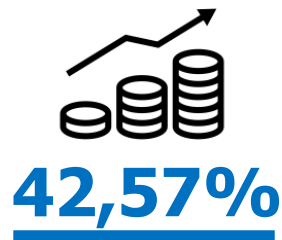


1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016



Lợi nhuận gộp tăng
15,98% so với 2015

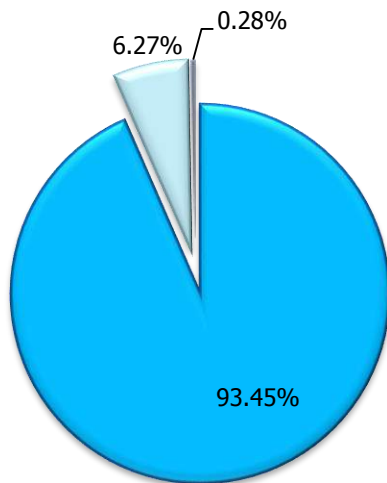


EPS 2016 tăng
42,57% so với 2015

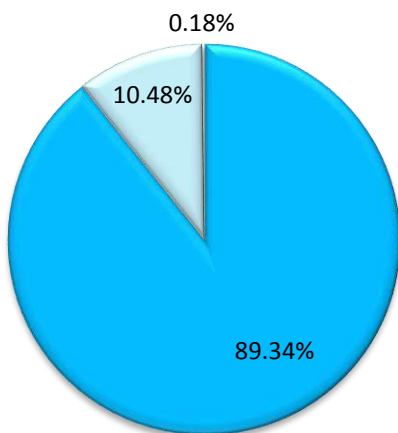
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	+/- 2016/2015
Tổng doanh thu	1.558.332,42	1.561.159,18	0,18%
<i>Doanh thu thuần</i>	<i>1.546.380,67</i>	<i>1.541.132,06</i>	<i>-0,34%</i>
<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>11.624,42</i>	<i>19.383,01</i>	<i>66,74%</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>327,33</i>	<i>644,11</i>	<i>96,78%</i>
Tổng các chi phí	1.408.006,73	1.386.666,92	-1,52%
<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>1.201.955,19</i>	<i>1.141.677,89</i>	<i>-5,01%</i>
<i>Chi phí tài chính</i>	<i>10.596,18</i>	<i>8.809,98</i>	<i>-16,86%</i>
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>68.256,88</i>	<i>76.743,53</i>	<i>12,43%</i>
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>66.637,43</i>	<i>98.707,89</i>	<i>48,13%</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>46.161,02</i>	<i>46.989,94</i>	<i>1,80%</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>14.400,03</i>	<i>13.737,69</i>	<i>-4,60%</i>
Lợi nhuận gộp	344.425,48	399.454,17	15,98%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	150.256,66	174.474,11	16,12%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	133.370,83	170.407,46	27,77%
EPS (VND/CP)	2.704	3.855	42,57%
Số lượng lao động (Người)	702	687	-2,14%
Thu nhập bình quân người lao động (VND/người/tháng)	14.200.000	15.000.000	7,14%

Cơ cấu doanh thu thuần 2016



- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ



Cơ cấu doanh thu 2015

Cơ cấu doanh thu qua các năm 2015, 2016 không có sự thay đổi nhiều với doanh thu thuần từ tiêu thụ (bán) thành phẩm đóng góp giá trị lớn nhất, năm 2016 giá trị này tăng gần 5% so với năm trước. Theo sau là doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cuối cùng là doanh thu từ cung cấp dịch vụ có đóng góp không đáng kể.

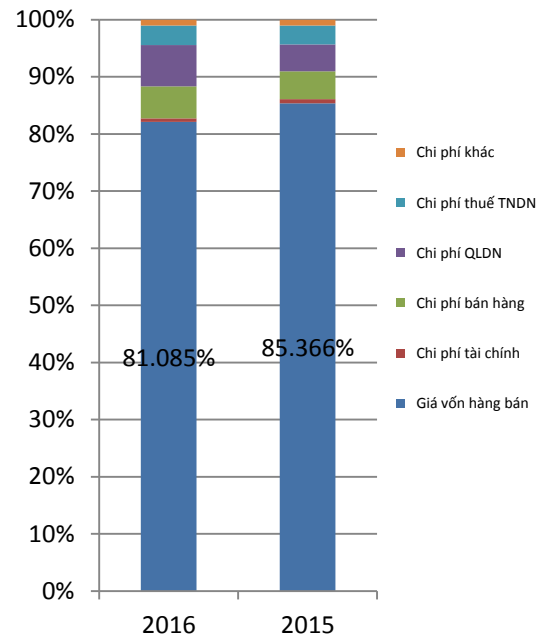
Năm 2016, do sự cạnh tranh gay gắt từ một số mặt hàng cùng loại từ Trung Quốc thêm vào đó thị trường sản phẩm silicate, phèn... giảm do đối tác tiêu thụ không đạt được kế hoạch dẫn đến doanh thu thuần 2016 giảm nhẹ 0,34% so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu tổng doanh thu, doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác tăng trái chiều với doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đối với doanh thu từ hoạt động tài chính, tăng 66,74% so với năm 2015, giá trị tăng thêm chủ yếu từ lãi tiền gửi, trên thực tế giá trị tiền và các khoản tương đương tiền trong năm tăng hơn 180 tỷ đồng, tương đương mức tăng 63% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu từ bán phế liệu và thanh lý tài sản cũng giúp doanh thu khác tăng thêm 96,78% so với năm ngoái.

Về chi phí

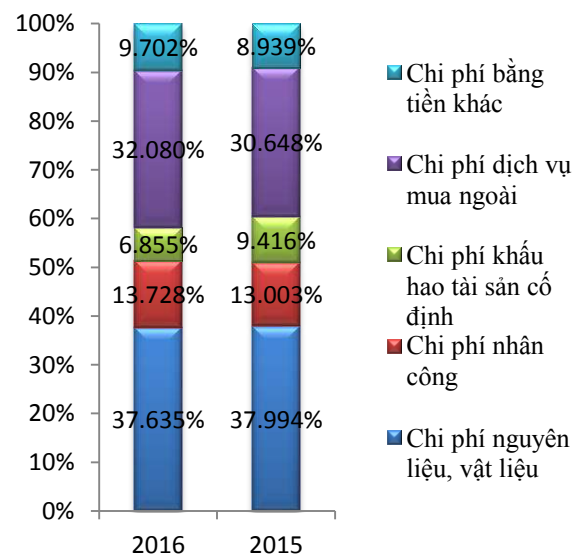
Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2016, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng từ hơn 80% qua các năm. Chi phí quản lý doanh nghiệp là yếu tố có giá trị lớn thứ 2 trong cơ cấu tổng chi phí, năm nay do Công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản nợ phải thu của Kunming Taijin Commercial and Trade Co, Ltd do đó giá trị này tăng thêm 48,13% so với cùng kỳ. Về chi phí bán hàng là khoản mục lớn thứ 3 trong tổng chi phí hoạt động của công ty. Trong năm 2016, giá trị chi phí này cũng tăng so với cùng kỳ với mức tăng khoảng 12,43%. Các yếu tố chi phí còn lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động của toàn Công ty.

Cơ cấu chi phí hoạt động 2015 - 2016



Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, nguyên vật liệu luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhóm các yếu tố sản xuất kinh doanh. Năm 2016, giá trị yếu tố này giảm 3,67% so với cùng kỳ, tỷ trọng giảm nhẹ từ 37,99% xuống còn 37,63%. Phải kể đến tiếp theo là chi phí dịch vụ mua ngoài, chiếm khoảng 32% tổng giá trị chi phí các yếu tố sản xuất kinh doanh; so với cùng kỳ, yếu tố này cũng có sự tăng nhẹ với mức tăng rất nhỏ (1,79%). Ngoài ra, chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm giảm mạnh khoảng 29%. Các yếu tố còn lại đều xu hướng giảm như với yếu tố nguyên vật liệu; tuy nhiên mức biến động không đáng kể.

Cơ cấu chi phí SXKD theo yếu tố 2015 -2016



Những tiến bộ đạt được

Trong tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, toàn Công ty đã giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế. Cụ thể như sau:

- ✓ Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển. Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong công ty.
- ✓ Công ty tiếp tục hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm. Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay vốn, đảm bảo an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.
- ✓ Đối với công tác quản lý, công ty không ngừng hoàn thiện công tác quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy hợp lý; khuyến khích các Nhà máy và các Phòng nghiệp vụ phát huy tính chủ động sáng tạo và chịu trách nhiệm đối với hoạt động của đơn vị mình, vì vậy hiệu quả công việc tăng cao. Tăng cường mối quan hệ hai chiều giữa Công ty với các đơn vị thành viên, tất cả vì lợi ích chung của Công ty.
- ✓ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh: công ty luôn giữ môi trường xanh sạch đẹp, mọi CBCNV luôn ý thức được rằng: đảm bảo vệ sinh môi trường, ATLĐ, PCCC là góp phần quan trọng cho sự tồn tại phát triển bền vững của Công ty và toàn xã hội...
- ✓ Trong công tác thi đua - khen thưởng: công ty luôn chú trọng khen thưởng xứng đáng, kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc nhằm động viên, khích lệ và tạo điều kiện để người lao động ngày càng nâng cao tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm trong công tác. Qua đó nhân rộng điển hình, tạo môi trường phấn khởi trong mọi phong trào thi đua trong toàn Công ty.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

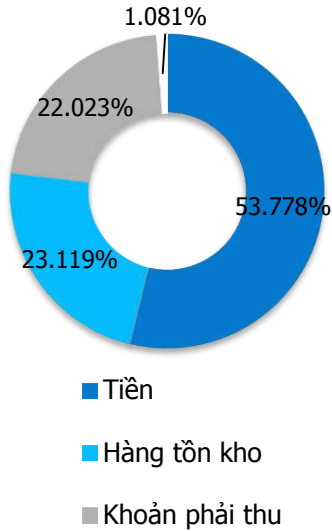
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng trưởng	Tỷ trọng 2016
Tài sản ngắn hạn	808,40	898,29	+11,12%	88,97%
Tài sản dài hạn	203,28	111,38	-45,21%	11,03%
Tổng tài sản	1.011,68	1.009,67	-0,20%	100%

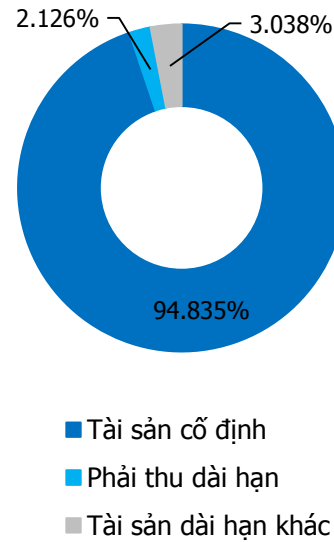
Năm 2016, tài sản ngắn hạn tăng thêm 11,12% so với cùng kỳ chủ yếu do sự đóng góp của khoản mục tiền và các khoản tương đương. Ngược lại với tài sản ngắn hạn, giá trị tài sản dài hạn trong năm giảm mạnh đến 45,21% do trích khấu hao tài sản cố định trong năm, ngoài ra sự kết chuyển chi phí trả trước dài hạn và chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cũng góp phần làm giảm giá trị tài sản dài hạn. Tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn không theo kịp tốc độ giảm của tài sản dài hạn, do vậy tổng giá trị tài sản của công ty giảm nhẹ 0,2% so với năm trước.

Cơ cấu tài sản trong những năm sau cổ phần hóa có sự dịch chuyển sang tỷ trọng tài sản ngắn hạn khi tỷ trọng này chỉ chiếm 60% năm 2013, nâng lên 66% năm 2014, đạt gần 80% trong năm 2015 và chiếm 88,97% tỷ trọng tài sản trong năm 2016.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn 2016



Cơ cấu tài sản dài hạn 2016



Về cơ cấu tài sản ngắn hạn: tiền và tương đương tiền là khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu, hơn 50% trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn, trong đó tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền là yếu tố chiếm phần lớn tỷ trọng. Khoản mục các khoản phải thu và hàng tồn kho có giá trị tương đương nhau lần lượt là 22.02% và 23,12%. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

Về cơ cấu tài sản dài hạn: giá trị tài sản cố định chiếm 94,84% tổng giá trị tài sản dài hạn, trong đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và giá trị tài sản vô hình chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (lần lượt là 4,3% và 0,22%), còn lại là tài sản cố định hữu hình chiếm hơn 95% trong cơ cấu tài sản cố định.

Về nợ phải thu xấu

Trích nợ phải thu khó đòi năm 2016 tăng mạnh, xấp xỉ 27 tỷ đồng so với năm 2015, khoản nợ chính đến từ công ty Kunming Taijin Commercial & Trade Co., Ltd với khoản nợ khó đòi còn lại lên đến hơn 53 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản nợ này và thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ.

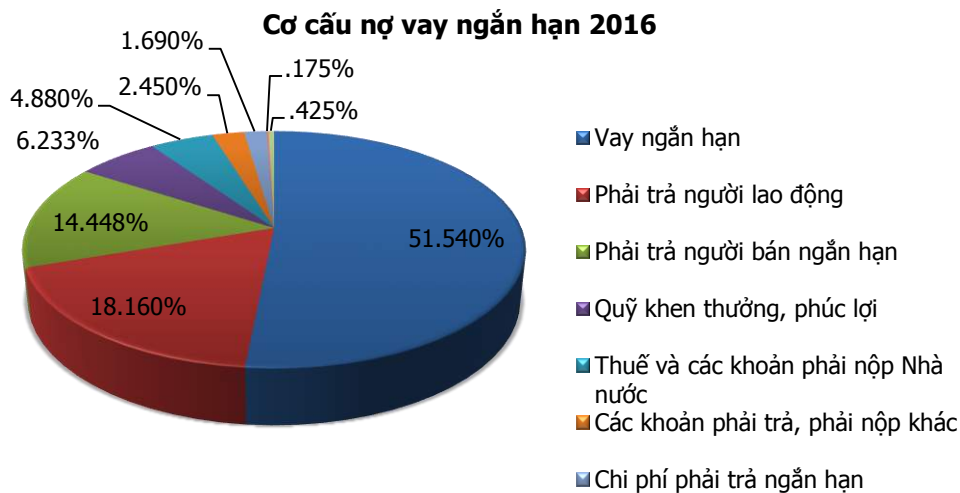
Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng trưởng	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	386,14	299,82	-22,35%	99,19%
Nợ dài hạn	2,09	2,44	+16,75%	0,81%
Tổng nợ	388,23	302,26	-22,14%	100%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nợ ngắn hạn trong năm 2016 giảm đáng kể 22,36% so với cùng kỳ do CSV đã trả phần lớn các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng BIDV, trong khi đó, nợ dài hạn tăng thêm 16,75%.

Cơ cấu chi tiết nợ phải trả ngắn hạn như sau



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, vay ngắn hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 50% tổng giá trị nợ ngắn hạn. Các thành phần trong cơ cấu nợ ngắn hạn có cùng xu hướng giảm, trong đó đáng kể nhất là khoản mục phải trả người bán, giá trị khoản mục này giảm 42,89% so với cùng kỳ.

Về tình trạng trả nợ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tuổi nợ dưới 1 năm			Tuổi nợ trên 1 năm		
	2015	2016	+/-	2015	2016	+/-
Các khoản vay	208.23	154.53	-25,79%	2.09	2.44	16,75%
Phải trả người bán và phải trả khác	77.64	44.59	-42,57%	-	-	0,00%
Chi phí phải trả	7.07	5.07	-28,28%	-	-	0,00%
Tổng cộng	292.94	204.19	-30,30%	2.09	2.44	16,56%

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư là dự án “Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015” và dự án “Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2” nên đã tăng giá trị vay dài hạn thêm 16,56%. Tuy nhiên, Công ty đủ khả năng tạo ra dòng tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016
Vay ngắn hạn	208.234,80	154.527,99
Vay dài hạn	2.091,40	2.437,70
Chi phí lãi vay	7.349,87	8.086,38
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần (%)	0,48%	0,52%

Năm 2016, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt mức 0,52%, mặc dù có tăng so với cùng kỳ tuy nhiên đây là mức thấp, thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

DVT: Triệu đồng

Chi phí tài chính	2015	2016	+/-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	772,06	1.215,99	57,50%
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.607,85	736,94	-54,17%
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.332,41	130,81	-94,39%
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	913,89	592,79	-35,14%
Chênh lệch ròng	-866,39	1.229,33	-

Vì thực hiện giao dịch với một số thị trường trên thế giới, Công ty chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng đô la Mỹ. Trong năm qua, tỷ giá USD/VND được giữ ổn định nhờ các chính sách hiệu quả của NHNN, do vậy ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

3. NHỮNG CẢI TIẾN CỦA CÔNG TY

Kế hoạch kinh doanh

- ✓ Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh rõ ràng cũng như những phương hướng chiến lược phù hợp để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu sản xuất, trong đó bao gồm các mục tiêu chủ yếu như: nâng cao năng lực và sản lượng sản xuất, tạo mối quan hệ tốt với khách hàng, xúc tiến quảng cáo, đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng chủ lực, mở rộng thị trường. Đồng thời, chính sách của Công ty còn tập trung giải quyết công ăn việc làm, tạo thu nhập ổn định, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cán bộ công nhân viên. Các công tác về môi trường, góp phần xây dựng cộng đồng cũng được thực hiện thường xuyên, thiết thực hơn.
- ✓ Trong năm 2016, Công ty đã lập, thẩm định và phê duyệt 01 dự án nhóm B “Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn/năm xút 100% NaOH để thay thế bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”; 03 báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2; Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ 2016 tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai; Thiết bị lẻ năm 2016 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- ✓ Bên cạnh đó, tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2016 vượt 57% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Tổng số dự án triển khai thực hiện là 05 dự án, trong đó có 02 dự án đã quyết toán hoàn thành, còn 03 dự án chuyển tiếp sang năm 2017.

Quan hệ khách hàng

- ✓ Công ty chủ trương duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào trong nước cũng như sản lượng tiêu thụ đầu ra. Công ty đã thiết lập, làm việc và duy trì quan hệ tốt với nhiều đối tác nước ngoài để cung cấp nhanh chóng vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ cho công tác đầu tư, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên cũng như nhập khẩu với giá ổn định, hợp lý các nguyên, phụ liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu các mặt hàng hóa chất giúp gia tăng doanh thu cho Công ty.
- ✓ Trong thời gian tới, công ty sẽ mở rộng thêm mạng lưới khách hàng, tích cực tìm kiếm và tiếp cận những khách hàng tiềm năng, đưa sản phẩm của công ty đến với nhiều đối tượng, nhiều địa bàn hơn. Công tác ghi nhận phản hồi và ý kiến đóng góp từ khách hàng và đối tác cũng sẽ được đẩy mạnh nhằm cải thiện chất lượng phục vụ và chất lượng sản phẩm.

Tiêu chuẩn chất lượng

Trên thị trường hiện nay đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh về sản phẩm axit photphoric như CTCP Hóa chất Đức Giang, các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và đặc biệt là các công ty sản xuất Photpho vàng mới tại Lào Cai đang tích cực cạnh tranh hạ giá bán. Bên cạnh đó, sản phẩm axit sulphuric của Công ty gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ từ sản phẩm axit sunphuric sản xuất từ quá trình luyện kim giá rẻ của Hàn Quốc, Nhật Bản vào thị trường Việt Nam thông qua các Công ty thương mại tư nhân nhập khẩu. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến ưu thế của Công ty trên thị trường trong nước.

Nhằm đối phó với thực trạng bất lợi này, trong ngắn hạn công ty đã tiến hành giảm giá cho những mặt hàng gặp phải sự cạnh tranh mạnh để duy trì thị phần, đồng thời tiến hành xây dựng một kế hoạch dài hạn nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh cho công ty. Chuỗi giá trị công ty được nghiên cứu kỹ càng để giảm giá thành sản phẩm xuống mức thấp nhất, tuy nhiên vẫn đảm bảo duy trì và không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm. Mặc dù là đối thủ cạnh tranh, công ty vẫn tìm kiếm cơ hội hợp tác trong ngành để có thể trao đổi kinh nghiệm, lao động, trình độ công nghệ theo phương châm cả hai bên cùng có lợi và góp phần vào sự phát triển chung của ngành hóa chất Việt Nam.



Kỹ thuật

- ✓ Thử nghiệm và sản xuất thành công sản phẩm phèn nhôm sunfat 17% từ nguyên liệu phèn lỏng 6%. Sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng, giá thành giảm 10% so với sử dụng nguyên liệu hydroxit nhôm.
- ✓ Thử nghiệm và sản xuất thành công sản phẩm FeCl_3 từ dịch thu hồi FeCl_2
- ✓ Nghiên cứu sản xuất sản phẩm H_2SO_4 50% chất lượng phù hợp cho acquy. Sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng, giá thành hạ cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại trên thị trường và góp phần tăng trưởng sản lượng sản phẩm này.
- ✓ Nghiên cứu thay đổi công nghệ, điều chỉnh nguyên liệu sản xuất... cải thiện chất lượng PAC. Tạo sản phẩm chất lượng ổn định và cải thiện chất lượng tốt hơn, giá thành hạ, tạo sự khác biệt vượt trội với sản phẩm cùng loại trên thị trường.
- ✓ Nghiên cứu sản xuất axit H_2SO_4 60% từ nguồn H_2SO_4 phế của dây chuyền hóa lỏng Clo, góp phần xử lý hiệu quả axit phế thải không phải tốn chi phí thuê dịch vụ xử lý.
- ✓ Nghiên cứu cải tiến chất lượng và hiệu suất sản phẩm Javen, sản phẩm sản xuất ra phù hợp với yêu cầu khách hàng có yêu cầu chất lượng cao, góp phần tăng sản lượng, hạ giá thành và tăng doanh thu cho nhà máy.
- ✓ Cải tạo tháp lọc khí nóng - công đoạn chuyển hóa dây chuyền sản xuất axit sunfuric, đảm bảo dây chuyền sản xuất axit sunfuric hoạt động ổn định với năng suất cao
- ✓ Tinh chế và cải tiến chất lượng sản phẩm phụ bisulfite natri tận thu từ dung dịch thải của hệ thống xử lý khí dây chuyền axit sunfuric, dịch xử lý khí thải được tận thu và tinh chế thành sản phẩm Bisulfite natri 22%, 35% với chất lượng tương đối tốt.
- ✓ Cải tiến hoàn thiện hệ thống ứng phó sự cố rò rỉ khí công nghệ dây chuyền axit sunfuric. Hệ thống ứng phó sự cố đủ năng lực thu gom, xử lý các sự cố / tình huống rò rỉ khí công nghệ dây chuyền axit đảm bảo an toàn môi trường trong quá trình vận hành dây chuyền cũng như trong các công tác bảo trì, sửa chữa máy móc.

- ✓ Cải tạo hệ thống xử lý khí thải đuôi dây chuyền axit sunfuric. Hệ thống xử lý khí thải sau cải tiến hoạt động ổn định, liên tục không bị gián đoạn, kết quả quan trắc khí thải đầu ra của hệ thống sau cải tiến đạt tốt hơn so với yêu cầu.
- ✓ Cải tiến thiết kế thiết bị gia nhiệt nấu chảy lưu huỳnh. Tăng hiệu suất truyền nhiệt của thiết bị sau cải tiến thêm 50% với cùng diện tích bề mặt trao đổi nhiệt, có tuổi thọ sử dụng 15-18 tháng, tăng gấp đôi so với thiết bị trước khi cải tiến.
- ✓ Cải tiến hệ thống thu gom xử lý khí thải phát sinh của quá trình phản ứng muối nhôm sunfat, cải tiến khả năng thu hồi và hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý, khắc phục hiện tượng rò rỉ khí thải quá trình phản ứng.
- ✓ Thay thế phụ tùng tấm trao đổi nhiệt end plate II của thiết bị TĐN axit 403A nhập ngoại bằng phụ tùng trong nước, khắc phục nhanh sự cố thiết bị. Phụ tùng gia công trong nước có chi phí thấp đáp ứng được yêu cầu điều kiện làm việc.
- ✓ Cải tiến thay thế can thu hồi axit hệ thống đường ống bơm axit cho xe bồn, bộ phận thu hồi cơ khí hoạt động tốt, tinh gọn, cải thiện mỹ quan công nghiệp, thao tác thuận tiện và tăng độ an toàn cho người vận hành.
- ✓ Nhà máy Hoá chất Biên Hòa hoàn thiện công tác kiểm soát chứng từ giao hàng, góp phần kiểm soát được toàn bộ hóa đơn phát hành và gửi cho khách hàng và đảm bảo 100% các hóa đơn đã gửi có thông tin người nhận và thời gian nhận. Chứng từ giao hàng hoàn trả sau 01 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn đúng thời hạn, gửi hóa đơn kịp thời cho khách hàng, đồng thời hỗ trợ công tác kiểm soát công nợ phải thu khách hàng.
- ✓ Nhà máy Hoá chất Biên Hòa thực hiện ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý tích hợp với các phân hệ: Cân xe; Quản lý kết quả thử nghiệm /xuất COA; Quản lý tiêu hao NVL / sản lượng sản xuất; Quản lý giá bán; Quản lý bình Clo; Lập kế hoạch giao hàng – Điều xe – Kiểm soát xe ra vào cổng; Quản lý/Kiểm soát công nợ; Hỗ trợ các báo cáo/công cụ phân tích số liệu. Đã góp phần tăng khả năng quản lý và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy. Tăng năng suất làm việc của nhân viên tại các phòng ban của Nhà máy. Hỗ trợ tốt hơn về số liệu nhằm đáp ứng nhu cầu báo cáo.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bức tranh tăng trưởng kinh tế 2016 không mang nhiều nét tích cực khi cả GDP của thế giới và của Việt Nam đều thấp hơn so với kỳ vọng. Trung Quốc cân bằng lại nền kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư gây ảnh hưởng đến nhu cầu hàng hóa phục vụ đầu tư và phục vụ trung gian, bên cạnh đó, khủng hoảng tài chính toàn cầu cùng với quá trình già hóa dân số gây đồng thời ảnh hưởng đến năng suất các nền kinh tế phát triển. Năm 2017, kinh tế thế giới được dự báo sẽ cải thiện so với năm 2016 nhờ giá cả hàng hóa phục hồi tuy nhiên sẽ phải đối mặt với nhiều yếu tố bất ổn về chính trị cùng nhiều yếu tố khác. Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam năm 2017 dự báo có khả năng đạt mức 6,7% nhờ tăng trưởng tiềm năng, ngoài ra còn có thuận lợi từ tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới cải thiện, giá hàng hóa phục hồi.

Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2016 và dự báo cho năm 2017, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	+/- 2017/ 2016
Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.588	1.524	-4,03%
Tổng doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	1.577	1.461	-7,36%
Tổng số các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	139	142	+2,16%
Lợi nhuận trước thuế (riêng Công ty mẹ)	Tỷ đồng	227	260	+14,54%
Tổng mức vốn đầu tư/XDCB	Tỷ đồng	29	252	+768,97%
Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	15	15	-



5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ý kiến cần nhấn mạnh của kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ

“Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.1 – Nợ tiềm tàng. Theo đó, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của Tổng Công ty Sonadezi về việc không truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2015 và chưa ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc

- ✓ Đây là khoản phải trả truy thu tiền thuê đất ước tính của CSV đối với Tổng Công ty Sonadezi trên diện tích phần đất thuê tại KCN Biên Hòa 1 mà chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận.
- ✓ Phần truy thu này phát sinh từ việc điều chỉnh đơn giá thuê đất giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015 và cả năm 2016 của Tổng Công ty Sonadezi theo nội dung văn bản số 509/SNZ-XNĐG ngày 28/07/2016 với số tiền CSV dự tính tương ứng là 11.568.177.680 đồng.
- ✓ Về phía CSV đã có văn bản số 556/HCCB-DA ngày 02/08/2016 gửi Tổng Công ty Sonadezi về việc xem xét không truy thu tiền thuê đất từ năm 2006-2015 riêng đơn giá thuê đất năm 2016, CSV đã có đề nghị Tổng Công ty Sonadezi tiến hành ký kết Phụ lục hợp đồng theo đơn giá mới nhằm tạo cơ sở ghi nhận chi phí và thực hiện thanh toán. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, CSV chưa nhận được phản hồi của Tổng Công ty Sonadezi về vấn đề này. Vì vậy, CSV chưa có đủ cơ sở để ghi nhận khoản phải trả như trên trong Báo cáo tài chính riêng năm 2016; từ đó kiểm toán viên đã đưa nội dung này nêu tại mục vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán độc lập ngày 15/03/2017.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng trong tương lai





1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✓ Trong tình hình kinh tế có nhiều biến động, toàn Công ty đã giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, thực hiện rà soát và điều chỉnh lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- ✓ Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.
- ✓ Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty.
- ✓ Hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- ✓ Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.



Hoạt động đầu tư

Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư để hoàn thiện quy trình, từng bước ổn định nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... phục vụ công tác lưu trữ hàng hóa.

Kết quả thực hiện công tác đầu tư trong năm như sau:

- ✓ Vốn đầu tư kế hoạch: 18,54 tỷ đồng.
- ✓ Vốn đầu tư đã thực hiện: 29,14 tỷ đồng, đạt 157,17% so với kế hoạch.

Tình hình quản lý các dự án đầu tư:

- ✓ Đối với hạng mục đầu tư "Thuê đất tại KCN Nhơn Trạch 6", Công ty đã ký MOU với Chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6 và vẫn đang chờ Chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6 thực hiện thủ tục trình Bộ Tài nguyên - Môi trường phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường mở rộng. Sau khi được tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng thuê đất và thanh toán tiền thuê đất các đợt tiếp theo.
- ✓ Tại các đơn vị thành viên: hoạt động đầu tư trong năm chủ yếu mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.
- ✓ Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết, theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng và kịp thời điều chỉnh kế hoạch thực hiện theo sát thực tế.



Hoạt động sửa chữa lớn

- ✓ Công tác sửa chữa lớn luôn được Công ty chú trọng, nhằm bảo đảm sản xuất ổn định, nâng cao năng suất và chất sản phẩm.
- ✓ Kết quả thực hiện công tác sửa chữa lớn trong năm 2016:
 - Số hạng mục đăng ký trong kế hoạch: 12 hạng mục
 - Số hạng mục đã thực hiện: 12 hạng mục
 - Số hạng mục đã được sửa chữa hoàn chỉnh: 09 hạng mục
 - Số hạng mục còn dở dang: 03 hạng mục, được chuyển tiếp sang 2017.

Giá trị thực hiện sửa chữa lớn tính đến 31/12/2016: 16,3 tỷ đồng, đạt 77,2% so với kế hoạch đã được duyệt.

Hoạt động liên quan đến môi trường, cộng đồng, xã hội...**Thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động và PCCC trong năm 2016:**

Thực hiện kế hoạch An toàn vệ sinh lao động năm 2016:

- ✓ Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 77 đội viên chữa cháy, phổ biến kiến thức về PCCC cho 216 người, với chi phí 63 triệu đồng. Các trang thiết bị PCCC được bảo dưỡng theo đúng định kỳ hàng tháng và hàng năm.
- ✓ Về công tác an toàn hóa chất: Công ty thực hiện kiểm soát an toàn hóa chất theo quy định, bao gồm các hoạt động khai báo, lập dữ liệu an toàn, kiểm soát mua bán hóa chất... các đơn vị đã có kế hoạch/ biện pháp ứng phó sự cố hóa chất. Năm 2016 đã thực hiện thao dượt ứng phó sự cố hóa chất theo kế hoạch/ biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất đã được phê duyệt của đơn vị.
- ✓ Huấn luyện an toàn hóa chất cho 342 lượt người lao động trực tiếp làm việc với hóa chất và 03 lái xe vận chuyển hóa chất của công ty. Cán bộ lãnh đạo và quản lý được tập huấn đầy đủ theo quy định.
- ✓ Về công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: tổng số người được huấn luyện là 627 lượt người. Các đơn vị trực thuộc đã phân nhóm các đối tượng lao động theo 6 nhóm và tổ chức thực hiện huấn luyện an toàn lao động cho các đối tượng theo đúng yêu cầu của pháp luật. Chi phí huấn luyện 235,54 triệu đồng.
- ✓ Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động: 936 lượt người. Trong đó, người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại khám 02 lần/ năm và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp. Tổng chi phí là 652 triệu đồng.
- ✓ Trong năm 2016 các đơn vị trong Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường lao động với tổng số mẫu đo là 806 mẫu đo, chi phí thực hiện là 57,81 triệu đồng.



Thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2016:

- ✓ Kế hoạch bảo vệ môi trường 2016: 5.376.000.000 đồng
- ✓ Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường: 6.603.424 đồng.

Trong đó bao gồm:

- Công tác quan trắc môi trường được thực hiện định kỳ 4 lần/năm đối với các đơn vị sản xuất và 2 lần/năm đối với Chi nhánh Tân Bình. Giá trị thực hiện: 517.665.000 đồng.
Nước thải và khí thải, chất thải rắn phát sinh được kiểm soát, thu gom xử lý 100% theo yêu cầu luật định.
+ Kiểm soát và xử lý nước thải và khí thải đạt yêu cầu các quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường Giá trị thực hiện là 3.090.452.000 đồng.
+ Quản lý chất thải rắn bao gồm chất thải công nghiệp nguy hại và không nguy hại, chất thải sinh hoạt giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Giá trị thực hiện 2.682.987.000 đồng.
- Cải tiến trong công tác bảo vệ môi trường được khuyến khích thực hiện nhằm giảm thiểu đến mức tối đa các tác động đến môi trường từ quá trình sản xuất. Trong năm 2016 có 5 cải tiến về môi trường, tái sử dụng nước trong dây chuyền sản xuất giá trị tiết kiệm tiết kiệm được 100,38 triệu đồng.
- Công tác truyền thông, giáo dục về bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện thông qua việc triển khai hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện các doanh nghiệp hóa chất RC nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên tại nơi làm việc cũng như tại địa phương nơi cư trú.
- ✓ Hoạt động triển khai áp dụng hệ thống trách nhiệm xã hội tự nguyện (RC) nhằm mục tiêu nâng cao ý thức tự giác của người lao động công ty đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường và gìn giữ an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện áp dụng 02 quy phạm RC là kiểm soát quá trình và kiểm soát ô nhiễm tại 2 đơn vị, cụ thể:
 - Tiếp tục duy trì áp dụng 2 quy phạm RC tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.
 - Áp dụng thành công 2 quy phạm của hệ thống RC tại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai. Trong năm đã tổ chức 2 lớp tập huấn nhận thức về RC cho cán bộ công nhân viên và lớp đánh giá nội bộ hệ thống RC tại nhà máy Hóa chất Đồng Nai.

2. ĐÁNH GIÁ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2016, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra.

Ban TGD đã điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ trình HĐQT phê duyệt.

Trong lĩnh vực sản xuất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào công tác quản lý vận hành, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, vì vậy đã đảm bảo công tác sản xuất an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín, thương hiệu Hóa chất cơ bản miền Nam.

Trong hoạt động đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn Ban TGD đã có những chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu các đơn vị lập tiến độ thi công chi tiết. Nhờ sự điều hành linh hoạt, khoa học của Ban TGD trong năm qua phần lớn các công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn trong kế hoạch đã được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm. Các hoạt động sửa chữa đều được thực hiện theo đúng thủ tục và quy chế của Công ty, và đều phát huy tính hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cần thiết cho duy tu, phục hồi hiện trạng bảo đảm an toàn và ổn định sản xuất.

Trong năm triển khai các hoạt động đầu tư, mua sắm mới một số thiết bị công nghệ để thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, bổ sung năng lực thiết bị ở một vài công đoạn sản xuất để đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Nhà máy.

Trong hoạt động chung, Ban TGD Công ty đã quan tâm song song cả hai mặt về nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và củng cố đội ngũ CBCNV. Ban TGD Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên cải tiến dịch vụ khách hàng, nắm bắt, cập nhật thông tin về khách hàng một cách thường xuyên, qua đó chăm sóc, phục vụ khách hàng nhanh chóng và chính xác. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác phục vụ khách hàng, triển khai nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, qua đó phục vụ các đối tượng khách hàng ngày một tốt hơn, đảm bảo duy trì mạng lưới khách hàng tiềm năng và truyền thống của Công ty.

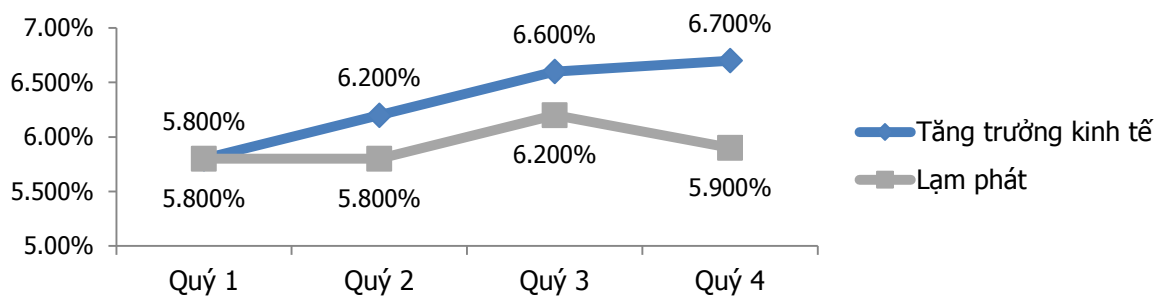
Trong thời gian tới, để đạt được các mục tiêu đề ra, Ban TGD Công ty cần quan tâm hơn nữa trong chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn lao động. Xây dựng định hướng kinh doanh tập trung vào việc nâng cao năng lực sản xuất; tiếp tục đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất cùng với áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý vận hành và kinh doanh; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua tái cấu trúc lại mô hình tổ chức sản xuất, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động; mở rộng đầu tư hiệu quả vào các loại hình kinh doanh Công ty có lợi thế cạnh tranh nhằm mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận cho cổ đông Công ty.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG TRONG TƯƠNG LAI

Triển vọng kinh tế và ngành 2017

Năm 2017, kinh tế thế giới tiếp dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2016, nhưng phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số nước và khu vực... Việt Nam năm 2017 được kỳ vọng là hoạt động của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt khối doanh nghiệp chế biến chế tạo. Doanh nghiệp đang có điều kiện phát triển thuận lợi khi Chính phủ mới thể hiện rõ mối quan tâm trong cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh. Nghị quyết 19 và 35 của Chính phủ trong năm 2016 được kỳ vọng là sẽ giúp giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết cũng như hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là khối doanh nghiệp tư nhân.

Dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2017



Bên cạnh những thuận lợi thì nền kinh tế Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ bởi những bất trắc của kinh tế thế giới. Trong năm 2017, FED dự báo lộ trình tăng lãi suất gồm 3 lần, động thái này không chỉ ảnh hưởng tới nền kinh tế Mỹ mà còn ảnh hưởng tới kinh tế toàn cầu. Một trong những thay đổi rõ rệt nhất là sự lên giá của đồng USD. Trong khi đó, đồng Việt Nam hiện vẫn đang được neo giữ với USD sẽ có xu hướng tăng giá thực so với các đồng tiền còn lại. Điều này có thể gây ra những tác động tiêu cực tới hoạt động xuất khẩu và làm trầm trọng hơn tình trạng thâm hụt cán cân thương mại trong năm tới. Việt Nam có thể phải **tăng lãi suất tiền gửi** để giúp giữ giá trị đồng Việt và giữ tiền trong hệ thống ngân hàng, khi đồng USD tăng giá, điều này có thể khiến mặt bằng lãi suất tăng ảnh hưởng đến việc vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời, việc các nước xuất khẩu dầu đạt được đồng thuận về việc cắt giảm sản lượng khai thác kể từ tháng 1/2017 có thể đẩy **giá dầu tăng trở lại**. Mặc dù điều này là có lợi cán cân ngân sách, những việc giá dầu thô và các mặt hàng năng lượng tăng trở lại có thể tạo ra sức ép lên lạm phát trong nước, vốn đã bị đẩy lên trong thời gian gần đây do việc điều chỉnh giá các nhóm dịch vụ công.

Kế hoạch kinh doanh 2017

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH(*) 2016	TH 2016	KH 2017	KH2017/ KH2016	KH2017/ TH2016
Tổng doanh thu tiêu thụ	1.448	1.577	1.461	100,90%	92,64%
Doanh thu (riêng Công ty mẹ)	1.048	1.077	1.056	103%	98%
Tổng số các khoản nộp ngân sách	144	139	142	98,61%	102,16%
Lợi nhuận trước thuế (riêng Công ty mẹ)	168	227	260	154,76%	114,54%
Tổng mức vốn đầu tư/XDCB	18,54	29	252	1.259,22%	868,97%

(*): Số kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

➤ **Kế hoạch 2017 được tính dựa trên các cơ sở sau:**

- ✓ Tổng doanh thu tiêu thụ năm 2017 thấp hơn so với 2016 do dự kiến Công ty CP Phốt Pho Việt Nam gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm phốt pho vàng vì gặp nhiều cạnh tranh từ các nhà máy mới được ưu đãi về thuế nên giá thành thấp hơn. Sản phẩm H_3PO_4 phải dừng sản xuất, do giá thành cao, giá bán giảm so với cùng kỳ năm trước, không cạnh tranh được với các sản phẩm giá rẻ từ Trung Quốc.
- ✓ Lợi nhuận kế hoạch năm 2017 tăng đáng kể do các chi phí giảm: chi phí khấu hao TSCĐ (ước tính giảm 47 tỷ), không còn trích chi phí lợi thế thương mại (19 tỷ), giảm chi phí trích lập dự phòng hàng tồn kho mô Bô xít... Tuy nhiên, một số chi phí khác ước tính sẽ tăng như: lãi vay (tăng 1,3 tỷ), trích lập an toàn môi trường (tăng 5,3 tỷ), quỹ lương người lao động (tăng 8 tỷ).
- ✓ Giá điện hiện nay chưa có thông tin chính thức tăng giá, trong trường hợp giá điện tăng 3%, lợi nhuận sẽ giảm tương ứng khoảng 5 tỷ đồng.
- ✓ Việc ĐTXD năm 2017: trong đó có 2 hạng mục lớn là tiền thuê đất và đầu tư bình điện phân ước tính hoàn thành năm 2018, nên khấu hao và chi phí liên quan sẽ chuyển sang năm sau. Trong trường hợp nếu hoàn thành các hạng mục trên vào năm 2017 thì ước tính lợi nhuận sẽ giảm đi tương ứng là 13 tỷ.

Về đầu tư

Kế hoạch ĐTXD năm 2017 là 312,9 tỷ đồng; trong đó 2 hạng mục có giá trị lớn là:

- ✓ **Thuê đất tại KCN Nhơn Trạch 6:** năm 2016 công ty đã ký biên bản ghi nhớ thuê đất, thuê hạ tầng với chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6 (phân khu 6A). Hiện nay chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6 đang rất tích cực thực hiện thủ tục trình duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) mở rộng để được phép tiếp nhận ngành nghề hóa chất cơ bản; theo dự kiến của chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6, trong quý 1/2017 sẽ hoàn tất thủ tục này, sau đó hai bên sẽ ký hợp đồng thuê đất và thực hiện các đợt thanh toán tiền thuê đất. Dự kiến hoàn tất thủ tục thuê đất trong quý 2/2018. Giá trị kế hoạch của dự án thực hiện trong năm 2017: 226,7 tỷ đồng.
- ✓ **Đầu tư bình điện phân tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa:** dự án đã được phê duyệt tháng 8/2016; hiện nay công ty đang thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị nhập ngoại, đây là gói thầu chính quyết định đến tiến độ dự án; dự kiến ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu trong tháng 4/2017, thời gian thực hiện hợp đồng 16 tháng và dự kiến dự án hoàn thành đưa vào hoạt động trong quý 2/2018. Giá trị kế hoạch của dự án thực hiện trong năm 2017: 72,7 tỷ đồng.

Về công tác an toàn, bảo vệ môi trường

- ✓ Duy trì kiểm tra toàn diện công tác ATVSLĐ, PCCC và BVMT tại các đơn vị trực thuộc 4 lần/năm.
- ✓ Xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động năm 2017 với chi phí là 6.723.925.000 đồng
- ✓ Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2017 giá trị 9.671.815.000 đồng, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu BVMT theo Luật định.
- ✓ Lập kế hoạch kiểm tra chuyên đề về an toàn thiết bị áp lực, an toàn đối với công đoạn sản xuất, thiết bị sản xuất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; Kiểm tra về công tác kiểm soát xử lý chất thải, công tác thực hiện các dịch vụ môi trường theo Luật định.
- ✓ Rà soát, hoàn thiện các thủ tục môi trường tại các đơn vị.
- ✓ Tiếp tục mở rộng áp dụng các quy phạm RC tại các Nhà máy còn lại.

Về công tác kinh doanh

- ✓ Tiếp tục nghiên cứu tìm nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý, ổn định, đảm bảo chất lượng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Có dự báo kịp thời về nguồn nguyên liệu, xu hướng giá để có dự trữ nguyên liệu phù hợp và kịp thời, không để tồn đọng vốn lớn.
- ✓ Tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu.
- ✓ Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin quản lý online.

Các giải pháp thực hiện

Để có thể hoàn thành tốt kế hoạch năm đã đề ra, đồng thời hạn chế tối đa những khó khăn mới phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh, năm 2017 HĐQT đã đưa ra các biện pháp như sau:

- ✓ Toàn Công ty giữ ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn với ATLĐ, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế. Muốn làm tốt việc này, các Phòng nghiệp vụ Công ty phải phối hợp chặt chẽ với các Nhà máy trong các lĩnh vực như: duy trì hoạt động của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác ATLĐ, vệ sinh môi trường.
- ✓ Phòng Kế hoạch – Kinh doanh phối hợp với các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ như:
 - Tìm kiếm thêm thị trường để mở rộng sản xuất kinh doanh các sản phẩm, quan tâm chăm sóc khách hàng.
 - Nghiên cứu và thường xuyên cập nhật thông tin về các đối tác để không xảy ra tình trạng nợ xấu.
 - Tích cực thu hồi công nợ, không để công nợ lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh và hiệu quả hoạt động của các đơn vị cũng như toàn Công ty.
- ✓ Phòng Kế toán – Tài chính phối hợp với các Phòng nghiệp vụ Công ty: triển khai công tác kiểm tra rà soát các nghiệp vụ tài chính phát sinh tại các nhà máy và Văn phòng Công ty, kịp thời chỉnh sửa các phát sinh chưa hợp lý, hợp lệ trong quá trình sản xuất –kinh doanh hàng quý trước khi lập báo cáo quyết toán quý và năm. Tiếp tục quan hệ thật tốt với các Ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư. Quản lý đồng tiền, minh bạch trong mọi chi phí, rà soát lại những văn bản, quy chế tài chính, cập nhật những thông tin mới trong quản lý tiền vốn Nhà Nước. Nắm bắt những thông tin về tình hình tài chính thế giới để đưa ra những dự báo phù hợp.

“Toàn công ty giữ ổn định sản xuất về công suất, chất lượng”

“Tìm kiếm thêm thị trường để mở rộng sản xuất kinh doanh”

“Kiểm tra, rà soát các nghiệp vụ tài chính phát sinh”

“Chuẩn bị sẵn các phương án, dự án đầu tư phát triển”

“Xây dựng đội ngũ người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực”

“Chăm lo đời sống vật chất tinh thần của CBCNV ngày càng được tốt hơn”

- ✓ Phòng Dự án phối hợp với các Phòng liên quan và các Nhà máy tham mưu cho Lãnh đạo Công ty thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như:
 - Đối với công tác di dời 3 nhà máy tại KCN Biên Hòa 1: Hoàn tất thủ tục thuê đất, thuê hạ tầng với Chủ đầu tư KCN Nhơn Trạch 6C; Xây dựng kế hoạch cụ thể việc triển khai công tác di dời, kết hợp đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Xút-Clo công suất 30.000 tấn/năm xút 100% NaOH tại địa điểm mới, trình Hội đồng quản trị, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam xem xét phê duyệt.
 - Triển khai thực hiện dự án Đầu tư bình điện phân thay thế bình DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa cũng như dự án đầu tư thiết bị lẻ khác tại các Nhà máy, sớm đưa vào hoạt động để đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tại các nhà máy hiện hữu trong thời gian thực hiện công tác di dời.
 - Chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- ✓ Về công tác lao động, tiền lương:
 - Tiếp tục cải tiến công tác tiền lương theo hướng vừa đảm bảo pháp luật, đảm bảo công bằng, tương xứng nhằm khuyến khích những người lao động gắn bó với Công ty trên cơ sở xây dựng thang bảng điểm phù hợp thực tế. Đảm bảo luôn có những nguồn nhân lực bổ sung thay thế ngay khi có yêu cầu. Việc luân chuyển CBCNV trong nội bộ Công ty để phục vụ cho công tác phát triển hoặc cần sắp xếp lại bộ máy cho hợp lý phải được CBCNV trong toàn Công ty quán triệt và nghiêm túc thực hiện.
 - Xây dựng đội ngũ người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn hội nhập, phát triển.
- ✓ Về công tác đoàn thể: phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên phát động các phong trào thi đua, vận động cán bộ, đoàn viên cố gắng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất năm 2017, đồng thời chăm lo cho đời sống vật chất - tinh thần của CBCNV trong Công ty ngày càng được tốt hơn.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát

Sự phối hợp hoạt động

Các hoạt động khác

Đánh giá về kết quả hoạt động SXKD

Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ





1. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban	-	-
2	Lê Thúy Mai	Thành viên	-	-
3	Lê Tùng Lâm	Thành viên	1.500	0,0034%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức riêng 03 cuộc họp. Cụ thể:

Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Tỷ lệ tham dự họp
Xem xét Báo cáo tài chính năm 2015, việc thực hiện các quy chế nội bộ, việc chấp hành chế độ nhà nước, điều lệ Công ty.	18/03/2016	Rà soát việc thực hiện mua sắm vật tư, đầu tư xây dựng; Kiểm soát thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu; Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2015 (sau kiểm toán); Kiểm soát hàng tồn kho; Kiểm soát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT; Kiểm soát việc chấp hành chế độ nhà nước, điều lệ Công ty.	100%
Xem xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016, việc thực hiện các quy chế nội bộ, việc chấp hành chế độ nhà nước, điều lệ Công ty.	23/08/2016	Kiểm soát Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016; Kiểm soát thủ tục nhập, xuất hàng tồn kho; Kiểm soát việc chấp hành chế độ nhà nước, Điều lệ Công ty; Kiểm soát việc thực hiện mua sắm vật tư, đầu tư xây dựng cơ bản; Kiểm soát việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu; Kiểm soát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.	100%

Xem xét Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2016, việc thực hiện các quy chế nội bộ, việc chấp hành chế độ nhà nước, điều lệ Công ty.	24/10/2016	Xem xét Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2016; Xem xét việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu; Xem xét việc thực hiện mua sắm vật tư, đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn; Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT; Xem xét việc chấp hành chế độ nhà nước, Điều lệ Công ty; Các công tác khác có liên quan.	100%
--	------------	--	------

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2016, BKS nhận thấy HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thể hiện trách nhiệm cao, cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, luôn vì lợi ích chung của Công ty, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của người lao động:

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban điều hành đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, vừa kiên trì với mục tiêu định hướng, vừa có quyết định phù hợp với thực tiễn, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật... nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

Trong năm 2016 không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc. Do đó, BKS có điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động khác của Ban kiểm soát

Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đối với Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HDQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ; thực hiện cơ chế, chính sách bán hàng; quản lý vật tư, hàng hóa, thành phẩm, công nợ, chi phí và đầu tư tại Công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với HDQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành xem xét.

Phối hợp với Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Nhân sự - Hành chính, Phòng Thiết bị - Công nghệ tiến hành rà soát các hoạt động liên quan đến chi phí sản xuất, tiền lương, chế độ, chính sách cho người lao động, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu theo từng quý trong năm.

Tham gia các cuộc họp của HDQT, Ban điều hành, giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ của HDQT, Ban điều hành.

Kiểm tra, thẩm định BCTC quý, 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán.

Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành, cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ.

Đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016
Tổng tài sản	Đồng	1.011.680.103.001	1.009.675.280.376
Nợ phải trả	Đồng	388.234.666.044	302.257.819.637
Vốn chủ sở hữu	Đồng	623.445.436.957	707.417.460.739

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
1	Cơ cấu nguồn vốn:			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	38,4	29,9
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	61,6	70,1
2	Khả năng thanh toán:			
	- Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,77	1,61
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,4	2,3
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,1	3,0
	- Khả năng thanh toán lãi vay	lần	27,73	28,39

Dựa vào các chỉ tiêu trên cho thấy Công ty quản lý và sử dụng vốn tốt, khả năng sinh lời của tài sản cao, tình hình tài chính Công ty ổn định, cơ cấu tài sản, nguồn vốn phù hợp, khả năng thanh toán tốt. Hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt hiệu quả cao.

Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016

Trong năm 2016, nền kinh tế có những khó khăn và thuận lợi nhất định nên đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, một số sản phẩm tiêu thụ chậm do phải cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc, Hàn Quốc như sản phẩm silicate, phèn đơn, H_3PO_4 mặt khác, một số sản phẩm của Công ty có nhu cầu thị trường trong nước rất lớn nhưng do các nhà máy trực thuộc Công ty tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 nằm trong diện di dời theo quyết định của Nhà nước, theo đó việc đầu tư mở rộng sản xuất tại các nhà máy là không khả thi do vậy chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm tiêu thụ giảm nhẹ so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ năm 2016 đã đề ra. Tuy nhiên bên cạnh những khó khăn vừa nêu, Công ty cũng có những thuận lợi nhất định như giá cả một số nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng giảm như muối công nghiệp, lưu huỳnh. Từ đó, Công ty đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội thị trường, ra quyết định kịp thời đúng đắn, chủ động đưa ra các giải pháp hợp lý đối với hàng tồn kho, dự trữ vật tư, nguyên liệu với giá cả và chất lượng tốt góp phần làm giảm giá thành đơn vị sản phẩm nâng cao chất lượng sản phẩm, kết hợp với đẩy mạnh các giải pháp kỹ thuật, giảm định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bảo đảm dây chuyền sản xuất ổn định góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do vậy, trong năm vừa qua một số chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt cao so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra, đó là sự nỗ lực rất lớn của HĐQT, Ban điều hành và người lao động trong Công ty.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	So với KH ĐHĐCĐ đề ra
1	Doanh thu thuần:			
	- Doanh thu Công ty Mẹ	đồng	1.076.846.578.050	103%
	- Doanh thu Công ty Con	đồng	500.281.169.801	125%
2	Lợi nhuận trước thuế			
	- Lợi nhuận Công ty Mẹ	đồng	226.660.896.299	135%
	- Lợi nhuận Công ty Con	đồng	14.411.496.248	80%
3	Giá trị SXCN theo giá thực tế			
	- Giá trị SXCN Công ty Mẹ	đồng	1.056.810.000.000	102%
	- Giá trị SXCN Công ty Con	đồng	531.272.000.000	133%
4	Sản lượng sản phẩm sản xuất	tấn	253.073	100%
5	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ	tấn	219.177	97%
6	Tỷ lệ cổ tức (*)	%	8%	57%

(*) Mới tạm ứng đợt 1 năm 2016: 8%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích

Business activity of company and subdivisions
Data and prognosis of activity



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ghi chú
1	Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2.500	0,006%	
2	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	53.400	0,120%	
3	Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	2.700	0,006%	
4	Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	3.400	0,008%	Bổ nhiệm từ 29/04/2016
5	Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	-	0%	Bổ nhiệm từ 29/04/2016

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không thành lập tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ.
- Công tác di dời 3 nhà máy tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai
- Công tác chuẩn bị, tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
- Xem xét đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị Phạm Thanh Tùng, Trịnh Tuấn Minh và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Bùi Thị Thanh Giang, Trịnh Hồng Vân; và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã quyết nghị ngày 29/04/2016.
- Thực hiện và hoàn tất chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015.
- Thực hiện và chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền.
- Xem xét, thực hiện việc bổ nhiệm lại các chức danh quản lý doanh nghiệp.
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị trực thuộc và của từng thành viên Ban Tổng giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty... Tại các phiên họp thường kỳ, HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.



Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	3	100%	
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	3	100%	
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	1	100%	Miễn nhiệm từ 29/04/2016
Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	3	100%	
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	1	100%	Miễn nhiệm từ 29/04/2016
Ông Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	2	100%	Mới bổ nhiệm từ 29/04/2016
Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	2	100%	Mới bổ nhiệm từ 29/04/2016

Các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	11/QĐ-HCCB	06/01/2016	Về việc phê duyệt chủ trương di dời và địa điểm di dời 3 Nhà máy của Công ty tại KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.
2	14/QĐ-HCCB	06/01/2016	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án "Đầu tư lò hơi 12 tấn/ giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2".
3	15/QĐ-HĐQT	06/01/2016	Về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

4	54/QĐ-HĐQT	18/01/2016	Về việc phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu số 1A "Thiết bị mua trong nước" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015".
5	84/QĐ-HĐQT	20/01/2016	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu số 03A "Tấm lợp cực và giá đỡ bình điện phân DD350" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015".
6	168/QĐ-HĐQT	01/03/2016	Về việc ban hành thang, bảng lương và phương án chuyển xếp lương cũ sang lương mới cho Viên chức quản lý chuyên trách tại công ty.
7	169/QĐ-HĐQT	01/03/2016	Về việc ban hành thang, bảng lương và phương án chuyển xếp lương cũ sang lương mới cho người lao động trong công ty.
8	171/QĐ-HĐQT	01/03/2016	Về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 03A "Tấm lợp cực và giá đỡ bình điện phân DD350" thuộc dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015".
9	197/QĐ-HĐQT	10/03/2016	Về việc ban hành bộ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2016.
10	198/QĐ-HĐQT	10/03/2016	Về việc cử đoàn cán bộ đi công tác ngắn hạn tại Nhật Bản.
11	202/QĐ-HĐQT	14/03/2016	Nghị quyết về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
12	204/QĐ-HĐQT	14/03/2016	Về việc phê duyệt phương án thuê đất, thuê hạ tầng KCN Nhơn Trạch 6 (phân khu 6C).
13	233/QĐ-HCCB	23/03/2016	Nghị quyết về kỳ họp 10, nhiệm kỳ 2014-2018
14	270/QĐ-HĐQT	06/04/2016	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2016" tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai.
15	328/QĐ-HĐQT	04/05/2016	Về việc bổ sung chức danh, mức lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách vào hệ thống thang lương, bảng lương Viên chức quản lý chuyên trách tại công ty.
16	04/QĐ-HĐQT	05/05/2016	Về việc bổ nhiệm bà Đỗ Thị Thoa giữ chức Trưởng ban kiểm soát chuyên trách.
17	349/QĐ-HĐQT	10/05/2016	Nghị quyết về chi trả cổ tức năm 2015 đợt 2 bằng tiền.
18	364/QĐ-HĐQT	13/05/2016	Về việc chi thưởng tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát năm 2015.
19	365/HCCB-HĐQT	16/05/2016	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc liên quan đến các giao dịch tín dụng với ngân hàng.
20	386/QĐ-HĐQT	23/05/2016	Nghị quyết về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

21	400/QĐ-HĐQT	31/05/2016	Về việc thành lập Nhà máy Hóa chất Nhơn Trạch - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.
22	450/QĐ-HĐQT	20/06/2016	Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.
23	467/QĐ-HĐQT	24/06/2016	Về việc phê duyệt chủ trương xác định giá trị tài sản trên đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng khu đất 45.18 ha thuộc khu vực tuyến rửa quặng tại Mỏ Bô xít Bảo Lộc.
24	479/QĐ-HĐQT	30/06/2016	Về việc phê duyệt dự trù kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập công ty và đón nhận Huân chương lao động hạng nhất.
25	533/QĐ-HĐQT	26/07/2016	Về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015".
26	540/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình "Đầu tư bình điện phân công suất 10.000 tấn NaOH 100%/năm thay thế 02 bình điện phân DD350 tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa".
27	644/QĐ-HĐQT	06/09/2016	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2016 (Rà soát, cập nhật).
28	647/QĐ-HĐQT	08/09/2016	Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí tổ chức Hội nghị khách hàng năm 2016 và Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty, đón nhận Huân chương lao động hạng nhất.
29	692/QĐ-HĐQT	26/09/2016	Nghị quyết về kỳ họp thứ 11 của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 – 2018.
30	726/QĐ-HĐQT	12/10/2016	Về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung).
31	730/QĐ-HĐQT	14/10/2016	Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản tại Chi nhánh Tân Bình.
32	733/QĐ-HĐQT	14/10/2016	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo kinh tế kỹ thuật "Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2".
33	735/QĐ-HĐQT	17/10/2016	Nghị quyết về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2016 đợt 1 bằng tiền.
34	751/QĐ-HĐQT	20/10/2016	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2016" tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai.
35	826/QĐ-HĐQT	18/11/2016	Về việc cử cán bộ - Ông Trịnh Hồng Vân, thành viên HĐQT đi công tác nước ngoài tại Ấn Độ.
36	891/QĐ-HĐQT	19/12/2016	Nghị quyết về kỳ họp thứ 12 của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 -2018.
37	905/QĐ-HĐQT	21/12/2016	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo kinh tế kỹ thuật "Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2016 tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 và Nhà máy Hóa chất Đồng Nai".

38	08/QĐ-HĐQT	21/12/2016	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Hữu Thọ giữ chức Tổng Giám đốc Công ty.
39	09/QĐ-HĐQT	21/12/2016	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Hoàng Minh Đức giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty.
40	10/QĐ-HĐQT	21/12/2016	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Hoài Phú giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty.
41	11/QĐ-HĐQT	21/12/2016	Về việc bổ nhiệm có thời hạn Bà Lê Thị Ngọc Diệp giữ chức Kế toán trưởng Công ty.
42	941/QĐ-HĐQT	30/12/2016	Về việc ban hành quy chế quản lý quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có.

Đào tạo về quản trị công ty

Đến nay, toàn bộ các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Thư ký công ty đều đã tham gia Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các Công ty cổ phần đại chúng do UBCK NN tổ chức và cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm tham gia
1	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	2014
2	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2014
3	Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên HĐQT	2016
4	Ông Lê Phương Đông	Thành viên HĐQT	2015
5	Ông Trịnh Hồng Vân	Thành viên HĐQT	2016
6	Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng BKS	2016
7	Bà Lê Thúy Mai	Thành viên BKS	2014
8	Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS	2014
9	Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	2015
10	Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc	2014
11	Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	2014
12	Bà Võ Thị Diễm Hằng	Thư ký Công ty	2015

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Lương (VND/năm)	Năm 2016 Thưởng (VND/năm)	Thù lao (VND/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Lê Văn Hùng	453.391.018	466.939.617	89.600.000
2	Nguyễn Hữu Thọ	402.036.108	307.700.850	67.200.000
3	Phạm Thanh Tùng	-	10.000.000	33.600.000
4	Lê Phương Đông	-	45.000.000	62.400.000
5	Trịnh Tuấn Minh	-	20.000.000	33.600.000
6	Trịnh Hồng Vân	-	-	33.600.000
7	Bùi Thị Thanh Giang	-	-	33.600.000
II	Ban kiểm soát			
1	Đỗ Thị Thoa	-	62.354.390	-
2	Nguyễn Thanh Bình	-	62.097.000	22.400.000
3	Lê Tùng Lâm	-	71.513.000	44.800.000
4	Lê Thúy Mai	-	7.500.000	56.000.000
III	Ban Điều hành			
1	Nguyễn Hữu Thọ	Mục I.2		
2	Lê Thanh Bình	327.760.246	280.750.590	4.800.000
3	Hoàng Minh Đức	337.540.950	243.442.107	-
4	Nguyễn Hoài Phú	296.387.188	298.925.678	-
5	Lê Thị Ngọc Diệp	295.173.963	228.3136.151	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty

Không phát sinh giao dịch

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2016, Công ty có thực hiện một số giao dịch với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành:

	Mối quan hệ	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	10.089.046.295	1.492.390.804
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, tài sản				
Công ty cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Công ty con	VNĐ	25.906.644.000	24.499.465.000

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

All available companies are also routed in "Van Haren: A List"

companies by equity market value



Monthly Budget - Detail

Description	Category
Extracurricular activities	Children
Medical	Children
School Supplies	Children
Movies	Children
Music (CDs, downloads, etc.)	Entertainment
Sporting Events	
Dining Out	
Grass	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Phương Đông	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Trịnh Hồng Văn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thoa	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Bà Lê Thúy Mai	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 29/04/2016)
Bà Lê Thúy Mai	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/04/2016)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM



Nguyễn Hữu Thọ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Số: 17007/TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số VIII.1 - **Nợ tiềm tàng**. Theo đó, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của Tổng Công ty Sonadezi về việc không truy thu tiền thuê đất từ năm 2006 đến năm 2015 và chưa ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) với dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.



Huỳnh Văn Dũng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Ấu Dương Uyển Phần

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		898.292.307.519	808.401.499.127
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	483.083.735.355	296.640.280.679
1. Tiền	111		61.083.735.355	106.640.280.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		422.000.000.000	190.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	550.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	550.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.829.366.443	223.818.868.366
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	202.221.171.205	210.483.893.202
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	18.694.609.648	8.146.115.408
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.a	4.130.757.980	5.982.502.725
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2.	(27.305.709.544)	(793.642.969)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5.	88.537.154	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	207.672.389.309	257.414.886.712
1. Hàng tồn kho	141		225.670.459.085	270.258.962.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.998.069.776)	(12.844.075.617)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.706.816.412	29.977.463.370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	2.094.435.788	946.269.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.559.670.823	28.287.676.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.b	4.052.709.801	743.517.795
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.382.972.857	203.278.603.874
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.368.447.356	1.805.910.650
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.b	2.368.447.356	1.805.910.650
II. Tài sản cố định	220		100.838.286.196	171.058.580.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	100.595.793.141	170.675.520.665
- Nguyên giá	222		905.988.586.061	897.637.819.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(805.392.792.920)	(726.962.299.145)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	242.493.055	383.059.722
- Nguyên giá	228		1.557.828.875	1.557.828.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.315.335.820)	(1.174.769.153)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	4.792.257.640	4.306.383.346
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.792.257.640	4.306.383.346
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.383.981.665	26.107.729.491
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	3.383.981.665	26.089.564.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	18.164.822
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.009.675.280.376	1.011.680.103.001

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		302.257.819.637	388.234.666.044
I. Nợ ngắn hạn	310		299.820.119.637	386.143.270.025
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	43.316.957.698	75.852.648.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		523.683.686	1.071.280.077
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.a	14.630.727.122	25.142.656.595
4. Phải trả người lao động	314		54.447.503.226	50.978.703.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	5.067.355.848	7.065.139.738
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.274.115.306	1.791.952.166
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.a	154.527.989.620	208.234.796.034
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17.	7.345.110.630	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.686.676.501	16.006.093.685
II. Nợ dài hạn	330		2.437.700.000	2.091.396.019
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.b	2.437.700.000	2.091.396.019
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		707.417.460.739	623.445.436.957
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	707.417.460.739	623.445.436.957
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	9.506.484
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.951.530.000	22.951.530.000
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(25.413.193.278)	(25.413.193.278)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.100.432.344	11.342.328.177
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.949.121.722	5.272.179.147
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.095.405.313	128.687.924.419
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.336.274.947	8.259.906.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		134.759.130.366	120.428.017.466
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.724.658.154	38.595.162.008
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.009.675.280.376	1.011.680.103.001

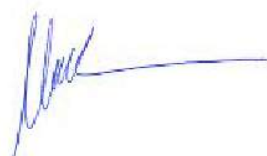
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Hằng



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Hữu Thọ

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.541.132.057.558	1.546.380.672.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.541.132.057.558	1.546.380.672.297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.141.677.885.079	1.201.955.189.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		399.454.172.479	344.425.482.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	19.383.012.814	11.624.420.909
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	8.809.979.609	10.596.176.317
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.086.380.512	7.349.869.203
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	76.743.528.538	68.256.881.726
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	98.707.887.485	66.637.427.535
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		234.575.789.661	210.559.417.916
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	644.108.292	327.329.204
13. Chi phí khác	32	VI.6.	13.737.678.033	14.400.031.897
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(13.093.569.741)	(14.072.702.693)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		221.482.219.920	196.486.715.223
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	46.989.943.215	46.161.017.500
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		18.164.822	69.039.379
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		174.474.111.883	150.256.658.344
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		170.407.463.518	133.370.831.600
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.066.648.365	16.885.826.744
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	3.855	2.704

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Hữu Thọ

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		221.482.219.920	196.486.715.223
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		82.011.883.438	115.843.731.519
- Các khoản dự phòng	03		39.021.432.509	12.383.004.483
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		151.289.941	(693.953.204)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.450.253.868)	(9.244.513.622)
- Chi phí lãi vay	06		8.086.380.512	7.349.869.203
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		333.302.952.452	322.124.853.602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.033.111.666	(98.247.626.687)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		44.642.500.243	(42.257.322.390)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(33.903.630.635)	5.457.747.255
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21.557.416.486	24.427.435.357
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.224.905.968)	(7.406.963.693)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.810.120.408)	(51.914.616.485)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	128.391.410
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.956.997.408)	(8.824.301.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		307.690.326.428	143.487.596.975
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.455.807.047)	(19.067.694.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		89.456.350	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(17.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		550.000.000	17.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.410.897.994	7.939.029.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.594.547.297	(11.128.665.249)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		578.674.458.733	478.152.402.130
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(632.034.961.166)	(441.941.168.386)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(72.486.246.600)	(133.025.127.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(125.846.749.033)	(96.813.893.856)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		186.438.124.692	35.545.037.870
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		296.640.280.679	261.018.870.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.329.984	76.371.874
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	483.083.735.355	296.640.280.678

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]

Phạm Thị Thu Hằng

Amal

Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Hữu Thọ

五、六、七、八、九、十、十一、十二、十三、十四、十五、十六、十七、十八、十九、二十、二十一、二十二、二十三、二十四、二十五、二十六、二十七、二十八、二十九、三十、三十一、三十二、三十三、三十四、三十五、三十六、三十七、三十八、三十九、四十、四十一、四十二、四十三、四十四、四十五、四十六、四十七、四十八、四十九、五十、五十一、五十二、五十三、五十四、五十五、五十六、五十七、五十八、五十九、六十、六十一、六十二、六十三、六十四、六十五、六十六、六十七、六十八、六十九、七十、七十一、七十二、七十三、七十四、七十五、七十六、七十七、七十八、七十九、八十、八十一、八十二、八十三、八十四、八十五、八十六、八十七、八十八、八十九、九十、九十一、九十二、九十三、九十四、九十五、九十六、九十七、九十八、九十九、一百。

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 248/QĐ-HCVN ngày 28/07/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 thay đổi lần thứ 9 ngày 05/02/2016 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **442.000.000.000 VND** (Bốn trăm bốn mươi hai tỷ đồng).

Trong đó Nhà nước góp 287.310.000.000 VND, chiếm 65,00 %.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CSV.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất và kinh doanh hóa chất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

- Sản xuất máy chuyên dụng khác

Chi tiết:

Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất (không hoạt động tại trụ sở);

Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực - trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)

Trụ sở Công ty tại: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp*****Danh sách các công ty con được hợp nhất:***

Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, Thị trấn Tăng Loong, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

- Tỷ lệ vốn góp: 65,05%

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65,05%

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,05%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Công ty đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả:

Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản và thường xuyên phát sinh giao dịch.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: phần mềm máy vi tính và giấy phép khai thác mỏ.

Việc ghi nhận tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 10
- TSCĐ vô hình khác	05 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án di dời nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa, chi phí dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350, chi phí đầu tư mua nhà văn phòng Bitexco, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ dụng cụ, chất xúc tác, chi phí đền bù khai thác mỏ, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm tài sản, và chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chất xúc tác đã xuất dùng, chi phí đền bù khai thác mỏ, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm tài sản, và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty phát sinh trong quá trình cổ phần hóa được phân bổ theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thời gian phân bổ không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, giấy xác nhận huy động vốn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí vận chuyển, chi phí thuê văn phòng, thuê kho, chi phí lãi vay phải trả, và các chi phí khác, thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Cơ sở xác định của các khoản chi phí trích trước là hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay đã ký kết, và dự toán chi phí của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất thể hiện các khoản điều chỉnh tăng/giảm giá trị đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Đây là giá trị chênh lệch phát sinh giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư Công ty mẹ và phần sở hữu của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 29/04/2016, Nghị quyết số 349/NQ-HĐQT ngày 10/05/2016 về việc chi trả cổ tức năm 2015 đợt 2 bằng tiền và Nghị quyết số 735/NQ-HĐQT ngày 17/10/2016 về việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2016 đợt 1 bằng tiền.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá (hóa chất), và cung cấp dịch vụ gia công, dịch vụ vận chuyển.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, bán phế liệu được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, hợp đồng, hóa đơn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% và 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán, hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.379.074.065	2.037.981.465
Tiền gửi ngân hàng	59.704.661.290	104.602.299.214
VND	59.022.929.013	102.912.672.259
USD (số dư nguyên tệ tại 31/12/2016: 30.012,47 USD)	681.652.850	1.689.304.408
EUR (số dư nguyên tệ tại 31/12/2016: 3,33 EUR)	79.427	322.547
Các khoản tương đương tiền	422.000.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	140.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	225.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMHH MTV HongLeong Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	30.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	27.000.000.000	-
Cộng	483.083.735.355	296.640.280.679

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%.

2. Phải thu của khách hàng

		31/12/2016		01/01/2016
		VND		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	202.221.171.205	(27.305.709.544)	210.483.893.202	(793.642.969)
a1) Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	108.180.324.921	(3.253.387.294)	118.319.121.634	(793.642.969)
Công ty Ajinomoto Việt Nam	5.671.868.352	-	7.071.831.422	-
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Supe Lâm Thao	5.375.937.600	-	4.102.680.450	-
CN TCT Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV - NM Nước Tân Hiệp	2.829.631.750	-	3.091.244.530	-
Công ty CP Bột giặt NET	3.142.689.880	-	1.950.000.800	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Aureole Mitani	5.547.192.750	-	5.572.365.810	-
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	14.533.691.260	-	10.526.492.680	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH Thương nại Dịch vụ Ý Cường Thịnh	2.950.073.280	-	545.837.600	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Kim Nguyên	4.313.756.700	-	6.271.591.700	-
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.017.554.660	-	2.321.593.442	-
Các đối tượng khác	61.797.928.689	(3.253.387.294)	76.865.483.200	(793.642.969)
a2) Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam	94.040.846.284	(24.052.322.250)	92.164.771.568	-
CN Công ty TNHH Toyota Tsusho Viet Nam tại Hồ Chí Minh	5.816.230.247	-	-	-
Coromandel International Ltd	10.831.034.880	-	-	-
Công ty CP Victory	-	-	24.499.200.000	-
Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd	53.546.092.200	(24.052.322.250)	60.259.302.200	-
Remy Gmbh & Co.Kg	19.790.402.400	-	-	-
Đối tượng khác	4.057.086.557	-	7.406.269.368	-

- b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.694.609.648	8.146.115.408
a1) Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	18.694.609.648	8.114.115.408
CN Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	706.200.000	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt Suneast Corporation S.A	273.505.000	361.031.900
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và VLXD Sài Gòn	1.623.656.193	-
Các đối tượng khác	15.300.000.000	-
	791.248.455	7.753.083.508
a2) Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam	-	32.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	-	32.000.000

- b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan:**
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Phải thu khác

		31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	Ngắn hạn	4.130.757.980	-	5.982.502.725	-
	Phải thu về cổ phần hóa	-	-	92.698.728	-
	Bảo hiểm xã hội	9.376.045	-	-	-
	Tạm ứng	128.386.125	-	168.800.000	-
	Ký cược, ký quỹ	140.372.000	-	349.530.000	-
	Phải thu khác	3.791.248.810	-	3.401.700.997	-
	BQL dự án KCN Tăng	-	-	1.969.773.000	-
	Loòng về hỗ trợ giải phóng mặt bằng	-	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Lào Cai	61.375.000	-	-	-
b)	Dài hạn	2.368.447.356	-	1.805.910.650	-
	Ký cược, ký quỹ	2.368.447.356	-	1.805.910.650	-
	Cộng	6.499.205.336	-	7.788.413.375	-

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

		31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
	Số lượng (tấn)	Giá trị	Số lượng (tấn)	Giá trị	
Hàng tồn kho					
Nguyên vật liệu	74,30	88.537.154	-	-	
- Bột nhôm Tân Rai (VP)	3,11	17.763.938	-	-	
- H2SO4 (NM Tân Bình 2)	28,96	31.353.408	-	-	
- H2SO4 (VP - kho Đình Vũ)	42,24	39.419.808	-	-	
Cộng	74,30	88.537.154	-	-	

6. Nợ xấu

		31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng					
Phải thu khách hàng					
Công ty CP VITALY	59.699.994	(*)	59.699.994	59.699.994	
Công ty TNHH Fritta Việt Nam	195.250.000	(*)	195.250.000	195.250.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

DNTN Tân Trường An	642.162.100	(*)	-	-
Công ty TNHH Phúc An Yên Bình	1.077.385.950	(*)	1.077.385.950	1.077.385.950
Công ty TNHH SX TM Tư vấn Đầu tư Thiên Lộc	9.919.800	(*)	-	-
Trung tâm Điều hành Chương trình Chống Ngập Nước Thành phố	1.978.092.710	(*)	-	-
Công ty CP Quốc tế JBI Chem Cà Mau	227.420.000	(*)	-	-
Công ty CP Gạch Đông Nam Á	654.043.650	(*)	-	-
Kunming Taijin Commercial & Trade Co.,Ltd	53.546.092.200	29.493.769.950	60.259.302.200	60.259.302.200
Cộng	58.390.066.404		61.591.638.144	61.591.638.144

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu này.

7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	4.219.111.013	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	115.460.810.630	(2.855.448.097)	144.474.651.916	(777.953.294)
Công cụ, dụng cụ	1.522.244.610	-	1.153.367.961	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.616.266.436	-	9.938.638.422	-
Thành phẩm	100.843.877.221	(15.142.621.679)	114.692.304.030	(12.066.122.323)
Hàng hoá	8.149.175	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Cộng	225.670.459.085	(17.998.069.776)	270.258.962.329	(12.844.075.617)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị nguyên vật liệu mất phẩm chất không có khả năng sử dụng là 2.731.894.971 VND. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị và đang xem xét xử lý.

Trong năm 2016, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá thành phẩm với số tiền 3.076.499.356 VND do giá bán thành phẩm giảm và trích lập bổ sung dự phòng nguyên vật liệu mất phẩm chất với số tiền 2.077.494.803 VND.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
- Mua sắm	4.202.257.640	4.246.383.346
<i>Mua sắm thiết bị lẻ</i>	-	1.008.448.433
<i>Chi phí đầu tư mua nhà văn phòng giao dịch, nhà khách (*)</i>	4.202.257.640	3.237.934.913
 - Xây dựng cơ bản dở dang	590.000.000	60.000.000
<i>Dự án di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Dự án đầu tư thay thế bình điện phân DD350</i>	530.000.000	-
Cộng	4.792.257.640	4.306.383.346

(*): Là khoản chi phí đầu tư mua nhà xây thô chưa hoàn thiện tại thành phố Lào Cai của Công ty CP Bitexco với mục đích làm nhà văn phòng giao dịch và nhà khách của Công ty CP Phốt Pho Việt Nam. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty CP Phốt Pho Việt Nam đã nhận bàn giao nhà xây thô nhưng chưa hoàn thiện, do đó tài sản nêu trên chưa được Công ty CP Phốt Pho Việt Nam đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND					
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	199.877.733.880	666.118.926.551	25.102.481.010	6.538.678.369	897.637.819.810
Mua trong năm	-	10.628.094.117	670.036.364	562.740.909	11.860.871.390
Tăng do phân loại lại	-	538.901.471	-	-	538.901.471
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.586.343.234)	(923.761.905)	-	(3.510.105.139)
Giảm do phân loại lại	-	-	-	(538.901.471)	(538.901.471)
Số dư ngày 31/12/2016	199.877.733.880	674.699.578.905	24.848.755.469	6.562.517.807	905.988.586.061
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	154.592.228.138	552.760.276.077	15.244.262.429	4.365.532.501	726.962.299.145
Khấu hao trong năm	21.570.326.784	56.234.577.118	3.341.135.215	725.277.654	81.871.316.771
Tăng do phân loại lại	-	34.058.065	-	-	34.058.065
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.586.343.234)	(854.479.762)	-	(3.440.822.996)
Giảm do phân loại lại	(6.142.907)	-	-	(27.915.158)	(34.058.065)
Số dư ngày 31/12/2016	176.156.412.015	606.442.568.026	17.730.917.882	5.062.894.997	805.392.792.920
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	45.285.505.742	113.358.650.474	9.858.218.581	2.173.145.868	170.675.520.665
Tại ngày 31/12/2016	23.721.321.865	68.257.010.879	7.117.837.587	1.499.622.810	100.595.793.141

Như trình bày tại Thuyết minh số V.11., Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.424.691.273 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 35.257.539.031 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 478.809.270.065 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 143.021.327.431 VND).

112

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	TCSĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	557.828.875	1.000.000.000	1.557.828.875
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	557.828.875	1.000.000.000	1.557.828.875
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	458.102.486	716.666.667	1.174.769.153
Khấu hao trong năm	40.566.667	100.000.000	140.566.667
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	498.669.153	816.666.667	1.315.335.820
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	99.726.389	283.333.333	383.059.722
Tại ngày 31/12/2016	59.159.722	183.333.333	242.493.055

11. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	2.094.435.788	946.269.270
Chi phí bảo hiểm	1.017.199.425	946.269.270
Các khoản khác	1.077.236.363	-
b) Dài hạn	3.383.981.665	26.089.564.669
Giá trị lợi thế doanh nghiệp	-	18.939.838.337
Chi phí công cụ dụng cụ	1.044.069.136	300.663.017
Chất xúc tác	1.211.632.054	2.409.425.468
Chi phí đền bù khai thác mỏ	-	4.157.314.439
Chi phí sửa chữa lớn	318.414.532	266.323.408
Chi phí trả trước dài hạn khác	809.865.943	16.000.000
Cộng	5.478.417.453	27.035.833.939

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016			Trong năm			31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
a) Vay ngắn hạn								
<i>Vay ngắn hạn</i>	208.234.796.034	208.234.796.034		579.192.012.288	632.898.818.702	154.527.989.620	154.527.989.620	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (1)	199.774.767.569	199.774.767.569		575.842.616.269	624.438.790.237	151.178.593.601	151.178.593.601	
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (2)	106.783.036.061	106.783.036.061		147.937.550.722	233.246.363.503	21.474.223.280	21.474.223.280	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM (3)	25.400.191.400	25.400.191.400		29.887.092.044	50.814.157.644	4.473.125.800	4.473.125.800	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	10.168.876.300	10.168.876.300		153.120.723.116	99.949.830.025	63.339.769.391	63.339.769.391	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Lào Cai	-	-		19.752.106.800	19.752.106.800	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lào Cai (4)	15.045.450.000	15.045.450.000		3.044.632.000	18.090.082.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Quân Đội VN - CN Lào Cai (5)	21.082.698.840	21.082.698.840		124.651.334.474	106.378.029.634	39.356.003.680	39.356.003.680	
Vay đối tượng khác (6)	16.052.625.000	16.052.625.000		96.781.931.911	94.412.670.631	18.421.886.280	18.421.886.280	
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	5.241.889.968	5.241.889.968		667.245.202	1.795.550.000	4.113.585.170	4.113.585.170	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (7)	8.460.028.465	8.460.028.465		3.349.396.019	8.460.028.465	3.349.396.019	3.349.396.019	
Vay dài hạn	2.091.396.019	2.091.396.019		3.695.700.000	3.349.396.019	2.437.700.000	2.437.700.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM (7)	2.091.396.019	2.091.396.019		3.695.700.000	3.349.396.019	2.437.700.000	2.437.700.000	
Cộng	210.326.192.053	210.326.192.053		582.887.712.288	636.248.214.721	156.965.689.620	156.965.689.620	

8/01/2017 10:10:00

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội VN - CN Lào Cai theo Hợp đồng tín dụng số

45947.16.737.1920288.TD ngày 10/08/2016

- Hạn mức tín dụng cho vay 80 tỷ đồng, bao gồm toàn bộ dư nợ nghĩa vụ của Khách hàng theo hợp đồng tín dụng số 142.15.737.1920288.TD ngày 19/06/2015 và các phụ lục kèm theo giữa MB và khách hàng.
- Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30/06/2017
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Mục đích khoản vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh phốt pho vàng.

(6) Khoản vay đối tượng khác theo các giấy xác nhận huy động vốn với lãi suất là 5%/năm, từ ngày 02/06/2016 lãi suất là 5,5%/năm, kỳ hạn 3 tháng.

(7) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả và khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. TP.HCM theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 02/2014/93332/HĐTD ngày 06/05/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/2014/93332/HĐTD-PL01 ngày 26/12/2014.

- Hạn mức: 15.800.000.000 VND
- Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư dự án "Hệ thống chính lưu 500 VDC/20kA tại NM hóa chất Biên Hòa".
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày rút vốn vay lần đầu.
- Kỳ hạn trả nợ gốc vay: thanh toán nợ gốc định kỳ 03 tháng/lần, trả lãi 11 kỳ.
- Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và thông báo của Ngân hàng gửi đến Công ty trong từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Biện pháp bảo đảm: thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai - hệ thống chính lưu 500 VDC/20kA. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 85/2014/93332/HĐBĐ ngày 06/05/2014 là 25.082.000.000 VND.
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016: 2.091.396.019 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 2.091.396.019 VND.

Hợp đồng tín dụng số 03/2016/93332/HĐTD ngày 07/06/2016

- Số tiền vay: 10.060.000.000 VND
- Mục đích vay: đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015 và Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Kỳ hạn trả nợ: thanh toán nợ gốc theo lịch trả nợ tạm tính gồm 10 kỳ, mỗi kỳ trả 629.000.000 VND. Trường hợp tổng dư nợ của các lần rút vốn theo Hợp đồng này nhỏ hơn tổng dư nợ theo lịch trả nợ thì sau khi kết thúc tại thời hạn rút vốn, Ngân hàng và Bên vay sẽ ký phụ lục hợp đồng bổ sung để xác định lại lịch trả nợ chính thức của hợp đồng
- Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án Đầu tư mua sắm thiết bị lẻ năm 2015 và Đầu tư lò hơi 12 tấn/giờ tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2016/93332/HĐBĐ ngày 07/06/2016. Giá trị tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp: 14.372.000.000 VND
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016: 3.695.700.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.258.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2016/93332/HĐTD ngày 01/07/2016

- Hạn mức cấp tín dụng: 250.000.000.000 VND (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này.
- Thời hạn cho vay: được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo: thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng sau:
 - i) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2014/93332/HĐTC ngày 21/02/2014
 - ii) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/2010/HĐ-9332 ngày 24/11/2010 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐ-93332 ngày 24/11/2010.
 - iii) Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2013/93332-HĐTC ngày 10/05/2013
- Giá trị tài sản đảm bảo: 93.701.000.000 VND

(2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo thỏa thuận tín dụng thương mại số HCM/2012/016/TTTD ngày 25/06/2012 và hợp đồng bổ sung hợp đồng tín dụng số HCM/2012/016/TTTD/PL03 ngày 25/08/2015

- Hạn mức: 50.000.000.000 VND
- Mục đích: nhằm phục vụ các nhu cầu vốn lưu động.
- Thời hạn: kể từ ngày ký hợp đồng bổ sung đến hết ngày 31/07/2016. Tùy thuộc vào hợp đồng bổ sung không bị chấm dứt sớm hơn, khi kết thúc thời hạn ban đầu, hợp đồng sẽ được gia hạn cho thời hạn một năm tiếp theo. Hợp đồng sẽ được gia hạn tối đa ba thời hạn gia hạn ngoại trừ một bên không đồng ý việc gia hạn.
- Kỳ hạn: sẽ được quy định trong giấy giải ngân.
- Lãi suất và các điều kiện liên quan đến tiền lãi (lãi suất quy định): sẽ được quy định trong giấy giải ngân.
- Cam kết tài chính: duy trì tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) tại Công ty tại mọi thời điểm không thấp hơn 51%.
- Biện pháp bảo đảm: không có tài sản đảm bảo.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN.TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 16.30900134/2016-HĐTDHM/NHCT900-HCCBMN ngày 15/09/2016.

- Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
- Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến hết ngày 06 tháng 09 năm 2017
- Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 (sáu) tháng
- Lãi suất cho vay: là lãi suất ngày, được ghi trên từng giấy nhận nợ.
- Biện pháp bảo đảm: cấp tín dụng không có đảm bảo bằng tài sản.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lào Cai theo Hợp đồng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT180-PPVN ngày 02/06/2016.

- Hạn mức cho vay: 60 tỷ đồng
- Thời hạn duy trì hạn mức vay từ 02/06/2016 đến hết ngày 31/05/2017.
- Thời hạn vay của từng khoản nhận Nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng.
- Mục đích vay: sử dụng bổ sung vốn lưu động thực hiện kế hoạch kinh doanh Phốt pho năm 2016.
- Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận Nợ.
- Dư nợ gốc tại 31/12 theo các giấy nhận nợ 11-15.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	43.316.957.698	43.316.957.698	75.852.648.225	75.852.648.225
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>	<i>6.962.498.251</i>	<i>6.962.498.251</i>	<i>25.284.999.244</i>	<i>25.284.999.244</i>
Công ty HHTM Hợp Đạt - Hà Khẩu (TQ)	666.408.482	666.408.482	666.408.482	666.408.482
Standard Chemical Corporation Pte Ltd	2.177.242.650	2.177.242.650	-	-
Công ty TNHH Máy Thiết bị và Xây dựng Hóa Chất	408.000.000	408.000.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Cầu đường Thanh Lê	454.614.600	454.614.600	-	-
CTI Future Corporation	-	-	12.582.451.907	12.582.451.907
Hợp tác xã Vận tải Số 9	-	-	3.073.717.236	3.073.717.236
Các đối tượng khác	3.256.232.519	3.256.232.519	8.962.421.619	8.962.421.619
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>	<i>36.354.459.447</i>	<i>36.354.459.447</i>	<i>50.567.648.981</i>	<i>50.567.648.981</i>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	26.109.299.224	26.109.299.224	38.197.883.470	38.197.883.470
Công ty Cổ phần Victory	4.380.240.320	4.380.240.320	8.251.097.470	8.251.097.470
Các đối tượng khác	5.864.919.903	5.864.919.903	4.118.668.041	4.118.668.041
Cộng	43.316.957.698	43.316.957.698	75.852.648.225	75.852.648.225

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

				Đơn vị tính: VND
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	4.879.806.049	66.938.129.582	67.832.805.443	3.985.130.188
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.363.192.905	8.363.192.905	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.597.688.922	14.597.688.922	-
Thuế TNDN	17.052.395.253	44.412.259.180	54.622.965.188	6.841.689.245
Thuế TNCN	2.610.455.293	8.132.649.827	9.788.239.994	954.865.126
Thuế tài nguyên	-	423.960	423.960	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	600.000.000	5.358.872.236	3.109.829.673	2.849.042.563
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.451.983.174	2.451.983.174	-
Cộng	25.142.656.595	150.265.199.786	160.777.129.259	14.630.727.122
b) Phải thu				
Thuế GTGT phải nộp	170.569.619	170.569.619	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	16.436.704.606	16.597.014.926	160.310.320
Thuế TNDN	-	2.781.532.913	6.187.155.220	3.405.622.307
Thuế TNCN	572.948.176	572.948.176	486.777.174	486.777.174
Cộng	743.517.795	19.961.755.314	23.270.947.320	4.052.709.801

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	5.067.355.848	7.065.139.738
<i>Tại Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam</i>	<i>1.821.879.783</i>	<i>2.438.787.426</i>
Trích trước chi phí vận chuyển	1.186.460.020	997.625.848
Trích trước chi phí lãi vay	139.236.557	292.580.786
Trích trước chi phí thuê xe	218.181.816	-
Trích trước chi phí khác	278.001.390	1.148.580.792
<i>Tại Công ty CP Phốt Pho Việt Nam</i>	<i>3.245.476.065</i>	<i>4.626.352.312</i>
Chi phí lãi vay	32.657.767	17.838.994
Chi phí tiền điện	3.172.818.298	4.535.786.045
Phí kiểm toán	40.000.000	72.727.273
Cộng	5.067.355.848	7.065.139.738

16. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	398.305.495	-
Kinh phí công đoàn	503.697.646	461.797.142
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	182.565.521	103.963.306
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	131.367.000	403.885.189
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	41.365.000	76.751.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.814.644	745.554.929
Cộng	1.274.115.306	1.791.952.166

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Dự phòng phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả tiền thuê đất	1.366.327.740	-
Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	5.978.782.890	-
Cộng	7.345.110.630	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần							
Số dư tại ngày 01/01/2015	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(27.412.396.327)	797.969.882	-	141.366.754.761	579.713.364.800	
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	133.370.831.600	133.370.831.600	
Tặng khác	-	-	-	1.999.203.049	-	-	-	17.815.740.491	
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	(30.145.959.513)	(30.145.959.513)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(114.920.000.000)	(114.920.000.000)	
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(850.994.858)	(850.994.858)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(132.707.571)	(132.707.571)	
Số dư tại ngày 31/12/2015	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	11.342.328.177	5.272.179.147	128.687.924.419	584.850.274.949	
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	-	170.407.463.518	170.407.463.518	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	52.758.104.167	(59.435.046.742)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(16.388.140.166)	(16.388.140.166)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(61.880.000.000)	(61.880.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2016	442.000.000.000	9.506.484	22.951.530.000	(25.413.193.278)	64.100.432.344	11.949.121.722	161.095.405.313	676.692.802.585	

442.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	287.310.000.000	287.310.000.000
Vietnam Investment Property Holdings	33.167.740.000	33.167.740.000
Các cổ đông khác	121.522.260.000	121.522.260.000
Cộng	442.000.000.000	442.000.000.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	442.000.000.000	442.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	442.000.000.000	442.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	61.880.000.000	114.843.248.400

18.4 Cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	44.200.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44.200.000</i>	<i>44.200.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	44.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44.200.000</i>	<i>44.200.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu**18.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	11.342.328.177	52.758.104.167	-	64.100.432.344
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.272.179.147	6.676.942.575	-	11.949.121.722
Cộng	16.614.507.324	59.435.046.742	-	76.049.554.066

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)
19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất
Ngoại tệ các loại:

	31/12/2016	01/01/2016
USD	30.012,47	75.257,51
EUR	3,33	13,23

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.440.158.583.979	1.381.492.877.153
Doanh thu bán hàng hóa	96.612.987.490	162.110.614.953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.360.486.089	2.777.180.191
Cộng	1.541.132.057.558	1.546.380.672.297

b) Doanh thu đối với các bên liên quan:

Chỉ tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.064.955.772.784	1.055.551.531.336
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.537.998.449	134.757.548.315
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	302.136.782
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.153.994.159	11.844.311.508
Các khoản điều chỉnh giá vốn hàng bán (xử lý kiểm kê)	30.119.687	(500.338.229)
Cộng	1.141.677.885.079	1.201.955.189.712

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.430.079.661	9.244.513.622
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.215.990.251	772.060.702
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	736.942.902	1.607.846.585
Cộng	19.383.012.814	11.624.420.909

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	8.086.380.512	7.349.869.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	130.805.300	2.332.413.733
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	592.793.797	913.893.381
Cộng	8.809.979.609	10.596.176.317

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phế liệu, phế phẩm	617.660.320	113.649.622
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	-	91.861.400
Thu thanh lý TSCĐ	20.174.207	-
Thu nhập khác	6.273.765	121.818.182
Cộng	644.108.292	327.329.204

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ ngừng hoạt động	7.120.798.108	8.729.348.569
Chi phí đền bù hoa màu tại mỏ Bauxit Bảo Lộc	4.157.314.439	4.157.314.437
Phạt chậm nộp thuế, nộp phạt thuế, phạt hành chính, truy thu thuế	2.455.935.486	1.001.857.042
Chi phí phạt khác	3.630.000	511.511.849
Cộng	13.737.678.033	14.400.031.897

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	98.707.887.485	66.637.427.535
Chi phí nhân viên quản lý	22.476.906.978	19.947.665.984
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	317.469.038	1.101.523.211
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.469.639.219	2.418.482.117
Thuế, phí và lệ phí	5.126.362.122	3.901.916.719
Chi phí dự phòng	26.512.066.575	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.925.983.661	6.142.751.794
Chi phí bằng tiền khác	15.939.621.556	14.185.249.374
Lợi thế doanh nghiệp	18.939.838.336	18.939.838.336
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	76.743.528.538	68.256.881.726
Chi phí nhân viên	2.587.891.793	1.813.149.628
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	830.024.200	1.804.393.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.275.885.646	8.282.804.656

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.425.873.714	52.754.721.161
Chi phí bằng tiền khác	8.623.853.185	3.601.812.425

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.282.515.279	467.440.578.895
Chi phí nhân công	164.249.965.099	159.976.389.535
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.011.883.438	115.843.731.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.830.349.129	377.069.619.947
Chi phí bằng tiền khác	116.085.946.785	109.982.909.240
Cộng	1.196.460.659.730	1.230.313.229.138

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Công ty mẹ	44.213.270.102	32.629.476.731
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Công ty con	2.776.673.113	13.531.540.769
Cộng	46.989.943.215	46.161.017.500

10. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	170.407.463.518	133.370.831.600
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	170.407.463.518	133.370.831.600
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	13.853.885.149
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	44.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.855	2.704

(*): chưa có căn cứ để ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 điều chỉnh lại do số đã báo cáo chưa loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Năm 2016 mới có quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015).

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. Báo cáo bộ phận****a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp hóa chất và kinh doanh sản phẩm hóa chất. Các thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả kinh hợp nhất cho năm tài chính 2016 là liên quan đến hoạt động sản xuất chính của Công ty.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	848.205.938.070	203.276.485.584	(41.807.143.278)	1.009.675.280.376
Tổng tài sản hợp nhất	848.205.938.070	203.276.485.584	(41.807.143.278)	1.009.675.280.376
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	186.885.655.115	115.372.164.522	-	302.257.819.637
Tổng nợ phải trả hợp nhất	186.885.655.115	115.372.164.522	-	302.257.819.637

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2016

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	775.038.104.054	236.641.998.947		1.011.680.103.001
Tổng tài sản hợp nhất	775.038.104.054	236.641.998.947	-	1.011.680.103.001
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	263.656.404.708	124.578.261.336		388.234.666.044
Tổng nợ phải trả hợp nhất	263.656.404.708	124.578.261.336	-	388.234.666.044

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2016

	Công ty mẹ tại TP.HCM VND	Công ty con tại Lào Cai VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.076.846.578.050	500.281.169.801	(35.995.690.293)	1.541.132.057.558
Doanh thu hoạt động tài chính	35.917.752.343	3.138.000.471	(19.672.740.000)	19.383.012.814
Chi phí SXKD	872.426.714.355	489.590.824.022	(36.078.257.666)	1.325.939.280.711
- Giá vốn hàng bán	748.680.227.555	429.075.915.190	(36.078.257.666)	1.141.677.885.079
- Chi phí tài chính	7.509.748.615	1.300.230.994	-	8.809.979.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Chi phí bán hàng	59.038.147.821	17.705.380.717	-	76.743.528.538
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.198.590.364	41.509.297.121	-	98.707.887.485
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	240.337.616.038	13.828.346.250	(19.590.172.627)	234.575.789.661
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	(13.676.719.739)	583.149.998	-	(13.093.569.741)
Lợi nhuận trước thuế	226.660.896.299	14.411.496.248	(19.590.172.627)	221.482.219.920

b) Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

12. Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	156.965.689.620	210.326.192.053
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	483.083.735.355	296.640.280.679
Nợ thuần	(326.118.045.735)	(86.314.088.626)
Vốn chủ sở hữu	707.417.460.739	623.445.436.957
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0,46)	(0,14)
Cộng	(0,46)	(0,14)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	483.083.735.355	296.640.280.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	208.720.376.541	218.272.306.577
Các khoản đầu tư tài chính	-	550.000.000
Cộng	691.804.111.896	515.462.587.256
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	156.965.689.620	210.326.192.053
Phải trả người bán và phải trả khác	44.591.073.004	77.644.600.391
Chi phí phải trả	5.067.355.848	7.065.139.738
Cộng	206.624.118.472	295.035.932.182

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)
Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	44.591.073.004	-	44.591.073.004
Chi phí phải trả	5.067.355.848	-	5.067.355.848
Các khoản vay	154.527.989.620	2.437.700.000	156.965.689.620
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	77.644.600.391	-	77.644.600.391
Chi phí phải trả	7.065.139.738	-	7.065.139.738
Các khoản vay	208.234.796.034	2.091.396.019	210.326.192.053

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	483.083.735.355	-	483.083.735.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.351.929.185	2.368.447.356	208.720.376.541
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.640.280.679	-	296.640.280.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	216.466.395.927	1.805.910.650	218.272.306.577
Các khoản đầu tư tài chính	550.000.000	-	550.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng

Tổng Công ty Sonadezi đã gửi công văn số 509/SNZ-XNDG ngày 28 tháng 07 năm 2016 về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất và thời hạn thuê đất còn lại tại khu công nghiệp Biên Hòa I. Theo đó, Tổng Công ty Sonadezi và Công ty sẽ ký kết phụ lục hợp đồng nhằm xác định khoản tiền thuê đất phải thanh toán theo đơn giá mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến thời hạn di dời theo quy định. Công ty ước tính số tiền thuê đất truy thu theo đơn giá thuê mới là 11.568.177.680 VND.

Công ty đã có văn bản số 556/HCCB-DA ngày 02 ngày 08 tháng 2016 gửi Tổng Công ty Sonadezi với ý kiến:

- Đề nghị Tổng Công ty Sonadezi kiến nghị với cơ quan Nhà nước xem xét không truy thu tiền thuê đất của Công ty từ năm 2006 - 2015.

- Đối với đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2016: Công ty đề nghị Tổng Công ty Sonadezi tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng để thanh toán theo đơn giá mới từ 01/01/2016 đến thời hạn di dời. Số tiền thuê đất năm 2016 truy thu theo ước tính của Công ty là 1.366.327.740 VND.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của Tổng Công ty Sonadezi về việc không truy thu tiền thuê từ năm 2006 đến năm 2015 và chưa ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá thuê đất. Do đó, Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận khoản phải trả.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Công ty Cổ phần Bọt giặt NET
Công ty Cổ phần Bọt giặt LIX
Công ty Cổ phần Pin - Acquy Miền Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ
Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam
Công ty CP Hơi kỹ nghệ Que hàn
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh
Công đoàn CTCP Hóa chất Cơ bản MN
Đảng Ủy CTCP Hóa chất Cơ bản MN

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn
Cùng Tập đoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)
h) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng/ Doanh thu		
Công ty CP Bột giặt NET	24.961.383.800	21.437.575.600
Công ty CP Bột giặt LIX	3.136.700.000	2.080.764.000
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Và Hóa Chất Cần Thơ	8.694.267.400	10.342.114.550
Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam	16.088.960.600	18.969.690.200
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	384.788.800	-
Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	1.818.182	-
Công ty CP Hơi Kỹ nghệ Que hàn	35.610.000	27.820.000
Công ty CP Phân bón Miền Nam	45.262.673.838	29.084.649.418
Mua hàng		
Công ty CP Phân bón Miền Nam	2.721.189.929	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.225.823.909	744.733.000
Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam	547.260.000	-
CN Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	530.000.000	-
Trả cổ tức		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	40.238.400.000	74.700.600.000
Trả lãi vay		
Công đoàn CTCP Hóa chất Cơ bản MN	57.819.445	56.333.333
Đảng Ủy CTCP Hóa chất Cơ bản MN	6.870.068	5.551.878

c) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Bột giặt NET	3.142.689.880	1.950.000.800
Công ty CP Bột giặt LIX	7.515.200	3.572.800
CN Công ty CP Bột giặt LIX tại Bình Dương	297.435.600	53.653.600
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Và Hóa Chất Cần Thơ	938.096.170	1.730.889.160
CN Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam - XN Ấc quy Đồng Nai	342.086.910	136.504.720
CN Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam - XN Ấc Quy Đồng Nai 2	681.937.740	475.288.000
CN Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam - XN Ấc Quy Sài Gòn	231.262.900	142.988.560
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	71.298.480	-
Trả trước cho người bán		
CN Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	706.200.000	-
Phải trả người bán		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	176.400.000	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Vay ngắn hạn

Công đoàn Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	1.500.000.000	1.000.000.000
Đảng Ủy Công ty CP Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	116.309.007	110.362.534

d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương, thưởng, thù lao và các khoản khác	4.839.465.341	3.956.742.287
Cộng	4.839.465.341	3.956.742.287

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phạm Thị Thu Hằng

Lê Thị Ngọc Diệp

Nguyễn Hữu Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thọ